

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ACCESS

I. Cơ sở dữ liệu

Là một tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau chứa thông tin về một tổ chức nào đó (như một trường đại học, một ngân hàng, một công ty, một nhà máy, ...), được lưu trữ trên các thiết bị nhớ thứ cấp (như băng từ, đĩa từ, ...) để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người sử dụng với nhiều mục đích khác nhau.

Access là gì?

Access là một hệ quản trị CSDL nằm trong bộ Microsoft Office

Access được dùng để?

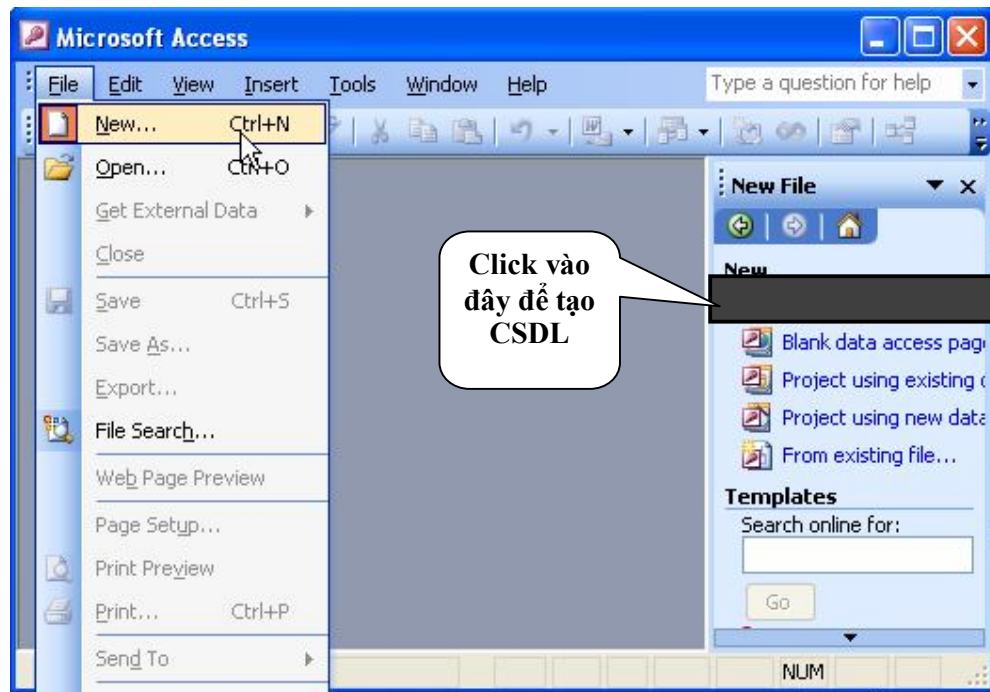
Xây dựng chọn gói các phần mềm quản lý quy mô vừa và nhỏ như: *Quản lý Học viên, sinh viên, nhân sự, vật tư...*

II. Table

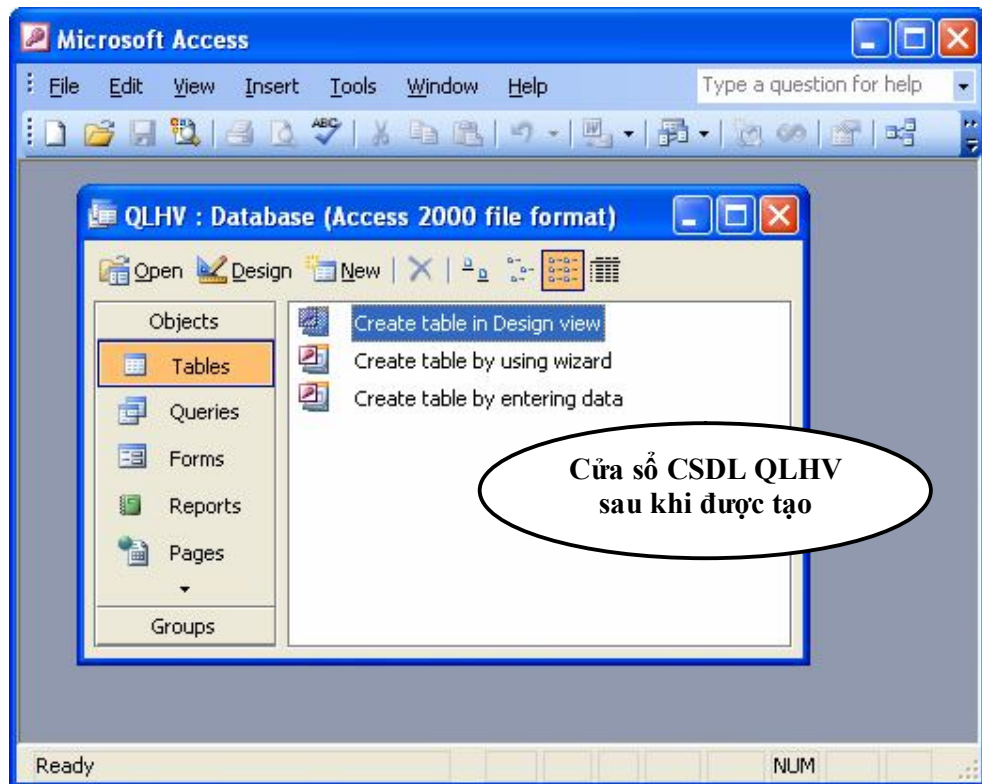
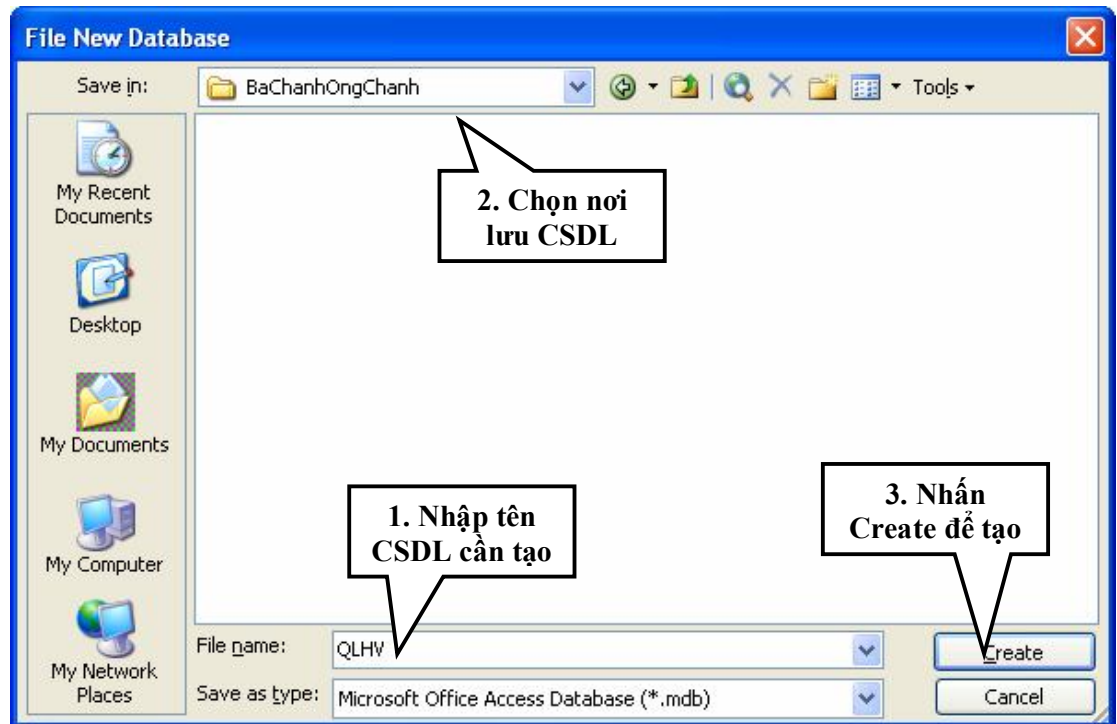
1) Tạo cơ sở dữ liệu mới (CSDL)

Bước 1: Khởi động Access → Start → Run → **msaccess** → Enter

Bước 2: Vào Menu File → Chọn New → Click dòng **Blank Database...** tại hộp thoại Task pane bên phải cửa sổ Access



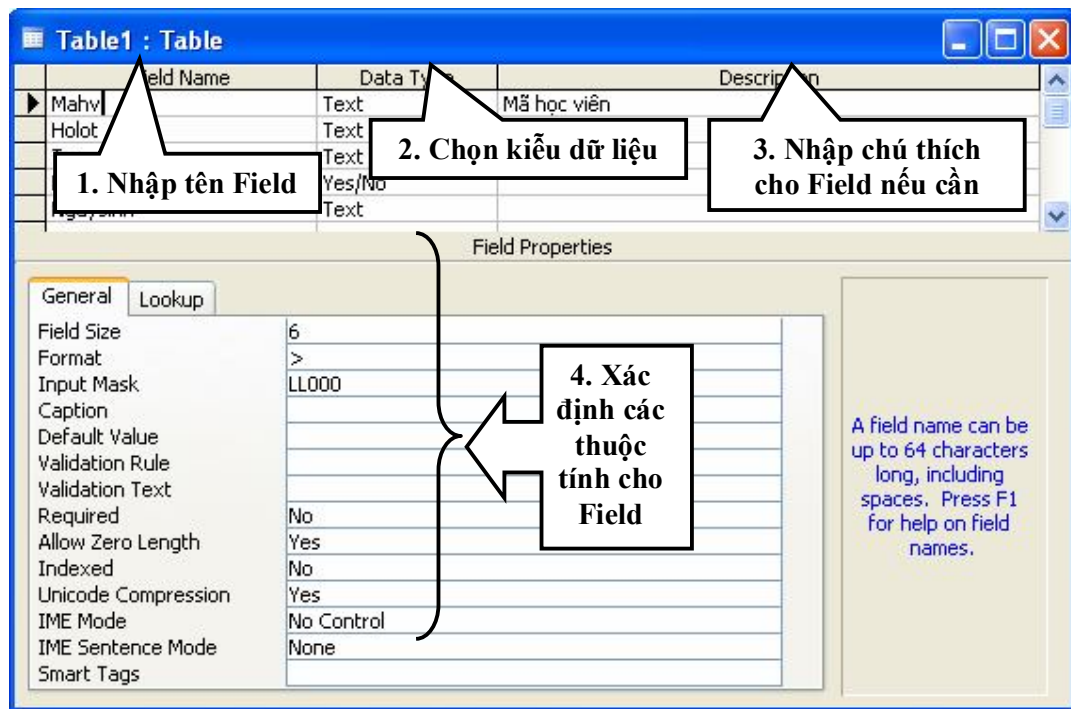
Bước 3: Hộp thoại File New Database xuất hiện → thực hiện hướng dẫn như hình bên dưới



2) Tạo Table

Bước 1: Tại CSDL hiện hành → Chọn thẻ Table → Double click vào dòng **Create table in Design view**

Bước 2: Hộp thoại thiết kế Table hiện ra:



→ Lặp lại thứ tự từ 1 đến 4 như trong hình cho các Field tiếp theo

Bước 3: Xác định khóa chính(Primary key) cho Table

Bước 4: Lưu Table

Bước 5: Thực hiện lại các bước 1 đến bước 4 để tạo các Table còn lại

a. Các kiểu dữ liệu của Field(Data type)

❖ **Kiểu Text:** Kiểu ký tự có độ dài 255 ký tự

Ví dụ:	Field Name	Data type
	MAHV	Text
	HOLOT	Text
	DIACHI	Text

❖ **Kiểu Memo:** Kiểu ký tự dạng văn bản có độ dài 65,535 ký tự

Ví dụ:	Field Name	Data type
	GHICHU	Memo
	DIENGLAI	Memo
	NOIDUNG	Memo

❖ **Kiểu Number:** Kiểu số (dữ liệu dạng số)

Ví dụ:	Field Name	Data type
	SOLUONG	Number
	DONGIA	Number
	HOCPhi	Number

❖ **Kiểu Date/Time**

Ví dụ:	Field Name	Data type
	NGAYSINH	Date/Time
	NGAYNHAP	Date/Time
	NGAYXUAT	Date/Time

❖ **Kiểu Yes/No:** Kiểu luận lý chỉ nhận 1 trong 2 giá trị (true/false, Yes/no, -1/0)

Ví dụ:	Field Name	Data type
	PHAI	Yes/No
	LOAIVATTU	Yes/No
	GIADINH	Yes/No

❖ **Kiểu Currency:** Kiểu tiền tệ

Ví dụ:	Field Name	Data type
	THANH TIEN	Currency
	HOCPhi	Currency
	DONGIA	Currency

❖ **Kiểu Autonumber:** Giá trị tự động, tự động tăng lên 1 khi thêm mẫu tin mới❖ **Kiểu Ole/Object:** Kiểu lưu trữ hình ảnh❖ **Kiểu Hyperlink:** Kiểu dạng liên website (vd: www.yahoo.com)

b. Các thuộc tính của Field

❖ **Field size :** Độ rộng của Field dạng số(number) hoặc ký tự (text, memo).

- **Với kiểu Text:** Xét Field MAHV → Có Filed size: 6

The image shows two screenshots from Microsoft Access. The left screenshot shows the 'Table1 : Table' design view with fields 'Mahv' and 'Holot', both of type 'Text'. The right screenshot shows the 'hocvien : Table' datasheet view with columns 'Mahv', 'Holot', and 'Ten'. The 'Mahv' column contains values 'HVD001' and 'HV1', which are 6 characters long.

→ khi nhập liệu, tại cột MAHV chỉ nhận giá trị <= 6 ký tự mà thôi

- **Với kiểu Number:** Xét Field DONGIA → có Filed size : Integer

The image shows two screenshots from Microsoft Access. The left screenshot shows the 'SANPHAM : Table' design view with fields 'MASANPHAM', 'TENSANPHAM', and 'DONGIA'. 'MASANPHAM' and 'TENSANPHAM' are of type 'Text', and 'DONGIA' is of type 'Number'. The 'Field Properties' pane shows 'Field Size' set to 'Integer' and 'Format' set to '#,##0" VNĐ"'. The right screenshot shows the 'SANPHAM : Table' datasheet view with columns 'MASANPHAM', 'TENSANPHAM', and 'DONGIA'. The 'DONGIA' column contains values '25,000 VNĐ', '30,000 VNĐ', and '0 VNĐ'.

→ Khi nhập liệu, tại cột DONGIA chỉ nhận giá trị từ -32,768 đến 32,768 (không có số lẻ)

→ Để nhập số lớn hơn ta phải chọn kiểu khác

Long Integer: -2,147,483,648 đến 2,147,483,647 (không có số lẻ)

Single: -3.402823E38 đến 3.402823E38

Double: -1.79769313486231E308 đến 1.79769313486231E308

❖ **Format:** khuôn dạng dữ liệu khi hiển thị của Filed dạng Text, Number, Date/Time, Yes/No

- **Với kiểu Text:** Xét Field DIENTHOAI → Có Format: (#####)###.###

The image shows two screenshots from Microsoft Access. The left screenshot shows the 'hocvien : Table' design view with fields 'Phai', 'Ngaysinh', and 'DIENTHOAI'. 'Phai' is of type 'Text', 'Ngaysinh' is of type 'Text', and 'DIENTHOAI' is of type 'Text'. The 'Field Properties' pane shows 'Field Size' set to '15' and 'Format' set to '(#####)###.###'. The right screenshot shows the 'hocvien : Table' datasheet view with columns 'Phai', 'Ngaysinh', and 'DIENTHOAI'. The 'DIENTHOAI' column contains values '(0919)399.787', '(0918)786.514', and '0919456123'.

→ Khi nhập dữ liệu, tại cột DIENTHOAI ta chỉ cần nhập 0919456123 → qua dòng mới hay cột mới ta sẽ nhận được giá trị là: (0919)456.123 → không cần nhập dấu () và dấu chấm .

→ **Format:** > đổi ký tự thường thành HOA, <: đổi ký tự HOA thành thường

- **Với kiểu Number:** Xét Field DONGIA → có Format: #,##0 “VNĐ”

SANPHAM : Table

Field Name	Data Type
MASANPHAM	Text
TENSANPHAM	Text
DONGIA	Number

General

Lookup

Field Size

Format

Integer

#,##0" VNĐ"

SANPHAM : Table

	MASANPHAM	TENSANPHAM	DONGIA
	TV	Ti vi	25,000 VNĐ
	TL	Tủ Lạnh	30,000 VNĐ
*			0 VNĐ

→ Khi nhập dữ liệu, tại cột DONGIA chỉ cần nhập 25000 → khi qua cột mới hay dòng mới ta sẽ nhận được giá trị: 25,000 VNĐ(

- **Với kiểu Date/Time:** Xét Field NGAYSINH → có Format: DD/MM/YYYY

hocvien : Table			
Field Name	Data Type	Desc	
Phai	Yes/No		
NGAYSINH	Date/Time		

hocvien : Table			
Ten	Phai	NGAYSINH	DIENTHOAI
Chánh	☒	26/12/1981	(0919)399.787
Chánh	☒	12/12/80	(0918)786.514
	☐		(0919)456.

→ Khi nhập dữ liệu, tại cột NGAYSINH khi nhập 26/12/81 → khi qua dòng hay cột mới ta sẽ nhận được giá trị là: 26/12/1981

→ lưu ý: Cách nhập ngày tháng còn tùy thuộc vào quy định trong Control panel

- **Với kiểu Yes/No:** Xét Field PHAI → có Format: ;”Nam”;”Nữ”
Display Control: Text box (thẻ Lookup)

hocvien : Table			
Field Name	Data Type	Description	
PHAI	Yes/No		
NGAYSINH	Date/Time		

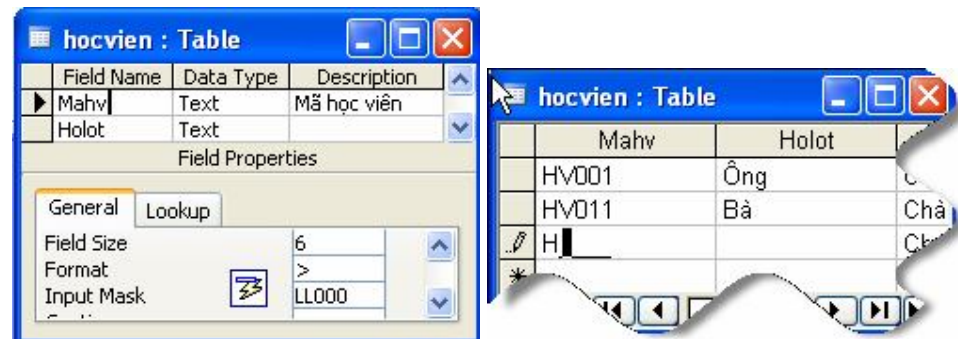
hocvien : Table			
Ten	PHAI	NGAYSINH	DIENTHOAI
Chánh	Nam	26/12/1981	(0919)399.787
Chánh	Nữ	12/12/1980	(0918)786.514
Chợ	-1		(0919)456.123

→ Khi nhập liệu, tại cột PHAI để hiển thị Nam thì nhập -1, Nữ nhập 0

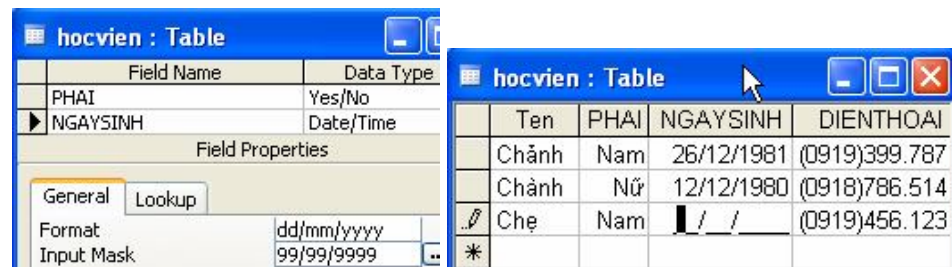
❖ **Input Mask:** Mặt nạ nhập liệu

Xét một số qui định nhập liệu sau:

- **0:** Các chữ số. Bắt buộc nhập
- **9:** Các chữ số hoặc dấu cách. Không bắt buộc nhập
- **A:** Chữ cái hoặc chữ số. Bắt buộc nhập.
- **a:** Chữ cái hoặc chữ số. Không bắt buộc nhập.
- **L:** Chữ cái. Bắt buộc nhập.
- ...Tham khảo thêm trong sách

• **Xét Field MAHV** → có Input Mask: LL000

→ Khi nhập liệu, tại cột MAHV do qui định Input Mask là: LL là 2 chữ cái bắt buộc nhập và 000 là các chữ số bắt buộc nhập → do đó khi nhập, 2 ký tự đầu phải là ký tự chữ và phải nhập đủ 2 ký tự, còn 3 ký tự sau cũng bắt buộc nhập và phải là số.

• **Xét Field NGAYSINH** → có Input Mask: 99/99/9999

→ khi nhập dữ liệu, tại cột NGAYSINH ta không cần nhập 2 dấu // để phân cách ngày tháng năm, đồng thời ký tự số 9 ám chỉ cho ta biết không bắt buộc nhập đủ 2 ký số hay 4 ký số

❖ **Caption:** Tiêu đề của Field khi hiển thị ở cửa sổ Datasheet

→ Mặc định nếu không có thuộc tính Caption thì Access sẽ lấy tên Field làm tiêu đề cột

❖ **Default Value:** Giá trị mặc định ban đầu khi nhập liệu

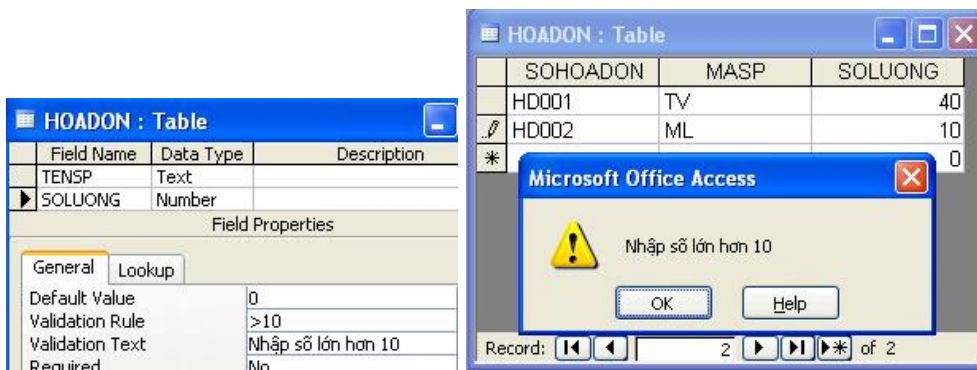
VD: Xét Field WEBSITE → Default value: “Không có”



→ khi nhập liệu, tại cột WEBSITE khi thêm một mẫu tin mới thì giá trị “không có” sẽ hiển thị mà ta không cần nhập.

❖ **Validation Rule & Validation Text**

- Xét Field SOLUONG → có Validation Rule: >10 và Validation Text: “Nhập số lớn hơn 10”



→ Khi nhập liệu, tại cột SOLUONG nếu ta nhập giá trị trên 10 thì không sao, nếu nhập ≤10 thì Access sẽ hiển thị thông báo “Nhập số lớn hơn 10”

❖ **Required:** Có hay không nhập dữ liệu cho Field, nếu để là No thì tại Field được xác định có thể bỏ qua không cần nhập dữ liệu, ngược lại bắt buộc ta phải nhập.

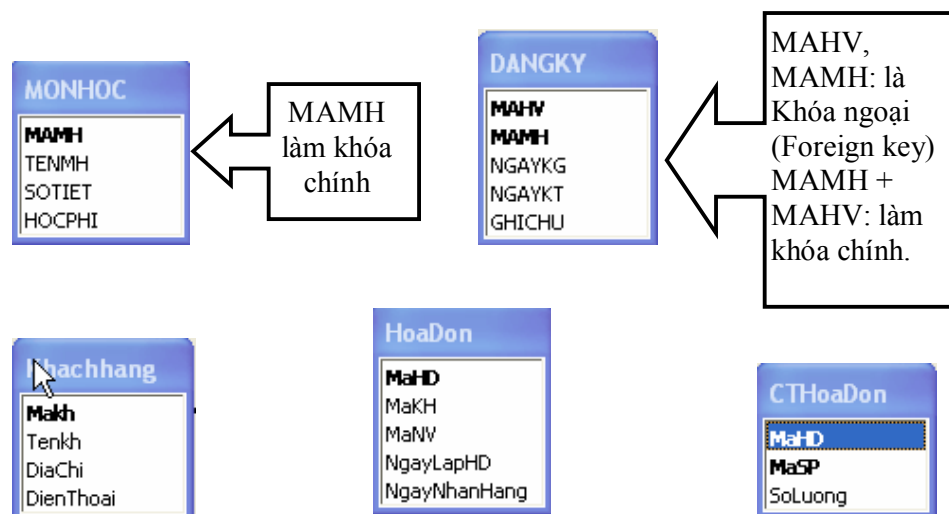
❖ Tham khảo thêm sách

3) Xác định khóa chính (Primary Key)

Khoá chính của một bảng bao gồm một hay nhiều Field mà dữ liệu tại cột này bắt buộc phải có (không được để trống) và đồng thời phải duy nhất không được phép trùng lặp nhau.

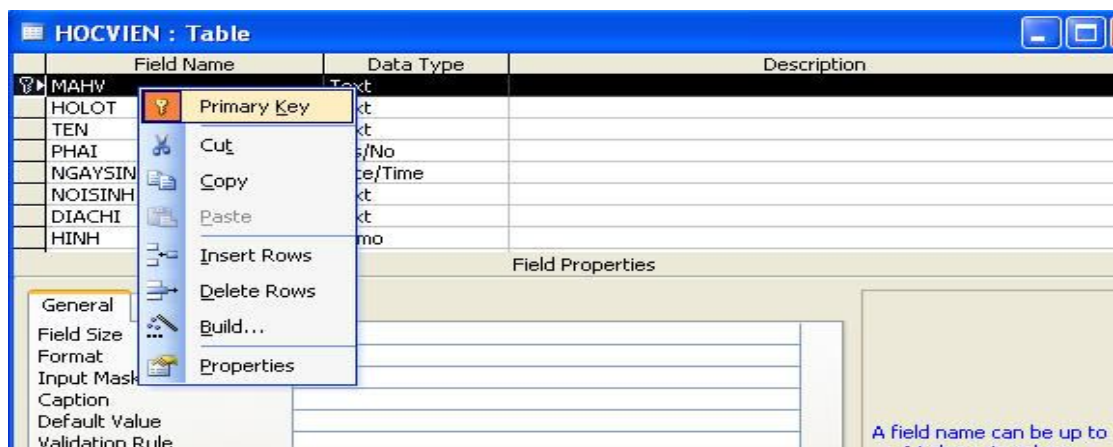
Foreign key: (Khóa ngoại) Là một hay nhiều Field trong một bảng mà các field này là khóa chính của một bảng khác. Do đó dữ liệu tại cột này bắt buộc phải tồn tại có trong một bảng khác.

Ví dụ: Tại bảng SinhVien(**Masv**, Hosv, Tensv, Phai, ..) ta chọn mã sinh viên làm khoá chính, vì mỗi một mẫu tin trong bảng sinh viên thì giá trị trong Field Masv là riêng biệt không trùng lặp với các mẫu tin khác (*Họ sinh viên, tên sinh viên, ... có thể trùng nhưng Masv thì không thể trùn* →, *trong một lớp thì không thể có hai hay nhiều sinh viên trùng một mã sinh viên*)



Cách xác định khóa chính trong Table

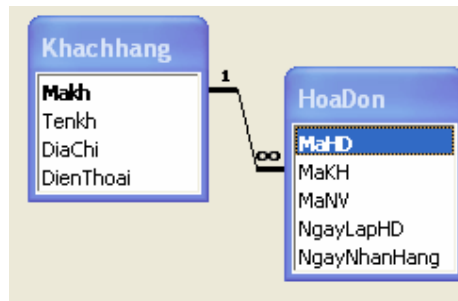
Tại chế độ Design của Table → chọn Field làm khoá chính → Phải chuột chọn *Primary Key*



4) Tạo mối quan hệ cho các bảng

a. Quan hệ: 1 – nhiều: Đây là loại quan hệ phổ biến nhất. Một mẫu tin bên bảng 1 sẽ xuất hiện nhiều lần bên bảng nhiều, ngược lại một mẫu tin bên bảng nhiều chỉ xuất hiện một lần duy nhất bên bảng một.

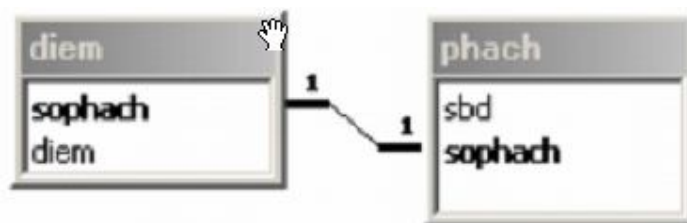
Ví dụ: Một khách hàng có thể có nhiều hoá đơn nhưng mỗi hoá đơn chỉ thuộc về một khách hàng duy nhất.



Khachhang : Table		
	Mã Khách Hàng	Tên Khách Hàng
▶ +	KH001	Công Ty TNHH Thành Công
+	KH002	Công Ty TNHH Mai Liên
+	KH003	Công Ty Thái Sơn
+	KH004	Công Ty May Việt Tiến
+	KH005	Công Ty Giày Việt Vinh
+	KH446	Trang Khùng
*		

HoaDon : Table		
	Mã Hoá Đơn	Mã Khách Hàng
+	HD001	KH001
▶ +	HD015	KH001
+	HD002	KH001
+	HD003	KH003
+	HD004	KH003
+	HD005	KH004
*		

b. Quan hệ: 1 – 1: Mỗi một mẫu tin bên bảng A sẽ tương ứng với một mẫu tin bên bảng B và ngược lại.



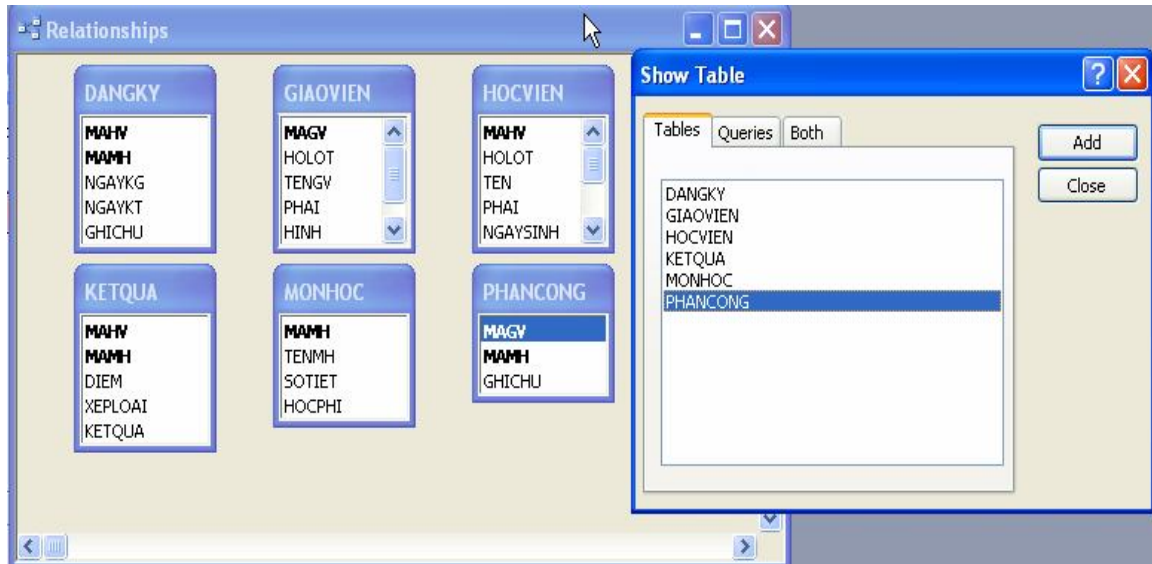
phach : Table		
	sbd	sopbach
	01	12
	02	02
	02	23
	03	14

diem : Table		
	sopbach	diem
	12	5
	02	44
	23	0
	14	7

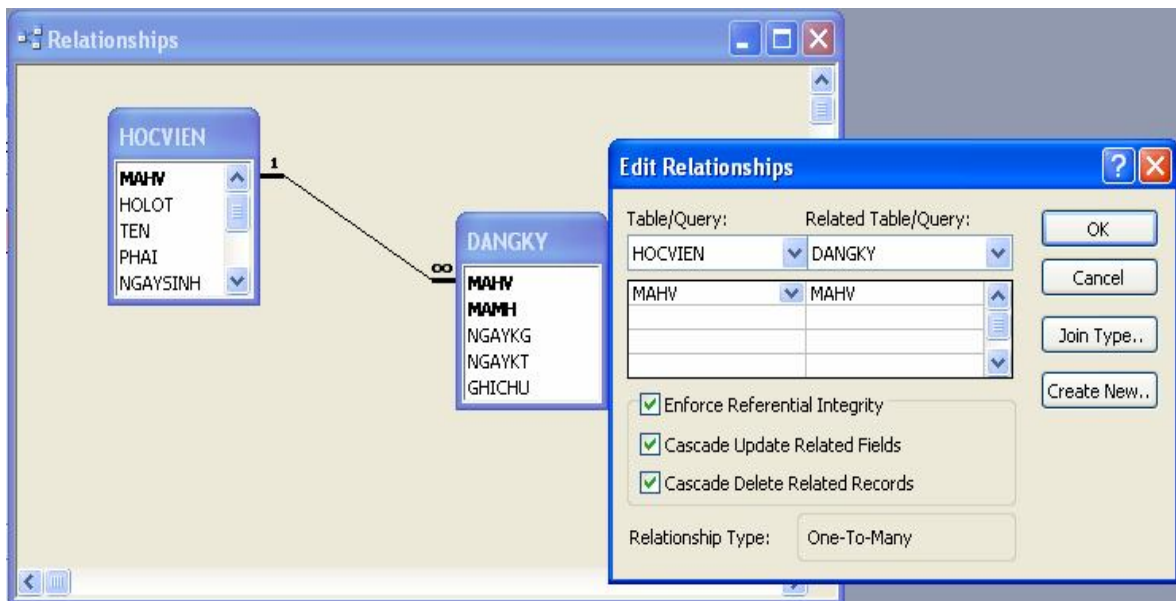
c. Cách tạo quan hệ cho các bảng

Bước 1: Vào Menu Tools → Relationships

Bước 2: Chọn các Table tại cửa sổ Show Table sang cửa sổ Relationships (bằng cách Double click vào bảng)



Bước 3: Click tại Field quan hệ của bảng thứ 1 và rê sang Field quan hệ của bảng thứ 2. lúc này xuất hiện hộp thoại Edit Relationship → đánh(hoặc không đánh) dấu Check vào 3 dòng như trong hình → nhấn nút Create



☒ **Enforce Referential Integrity:** Quan hệ bị ràng buộc toàn vẹn

☒ **Cascade Update....:** Khi sửa giá trị trên Field quan hệ của bảng 1 thì Field quan hệ của bảng nhiều sẽ được sửa theo.

☒ **Cascade Delete....:** Khi xóa một mẫu tin bên bảng 1 thì các mẫu tin tương ứng bên bảng nhiều(có quan hệ) sẽ được xóa theo.

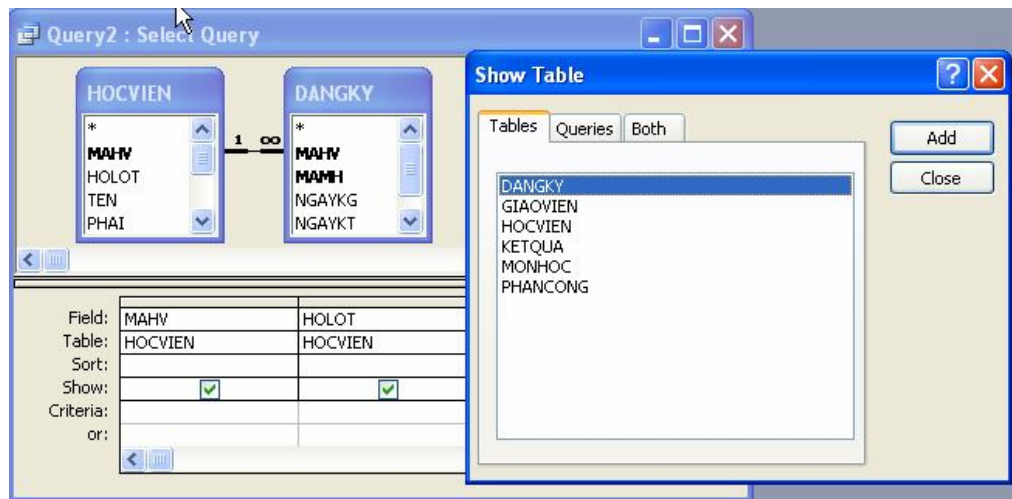
III. Query

1) Các bước tạo Query

Bước 1: Tại cửa sổ Database hiện hành → Click thẻ Queries → Double click vào dòng **Create Query in design view**

Bước 2: Tại cửa sổ thiết kế query

- Đưa các bảng tại cửa sổ Show Table sang cửa sổ thiết kế query (Double click vào bảng)
- Đưa các Field từ bảng vào vùng lưới (double click vào tên Field)
- Sort: Sắp xếp thứ tự hiển thị cho Field
- Show: ☐ ẩn hay ☒ không ẩn một Field khi hiển thị
- Criteria: nhập điều kiện cho Field



Bước 3: Chạy query → nhấn nút Run  trên thanh công cụ hay phải chuột tại thanh tiêu đề của cửa sổ thiết kế query → chọn Datasheet.

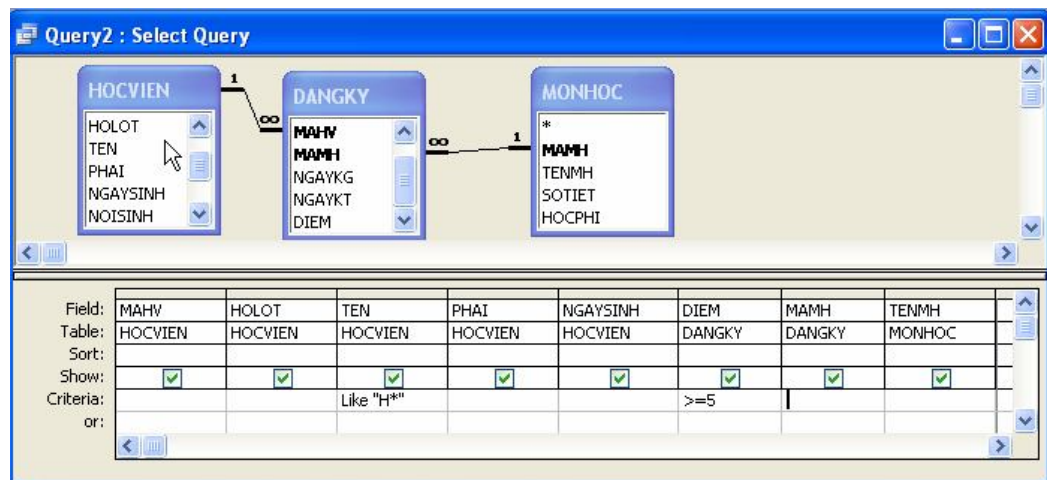
2) Các ví dụ về query

2.1 Select Query

Ví dụ 1: Cho biết danh sách học viên có nơi sinh ở TPHCM, gồm Mahv, Holot, Ten, Phai, Ngaysinh, Noisinh



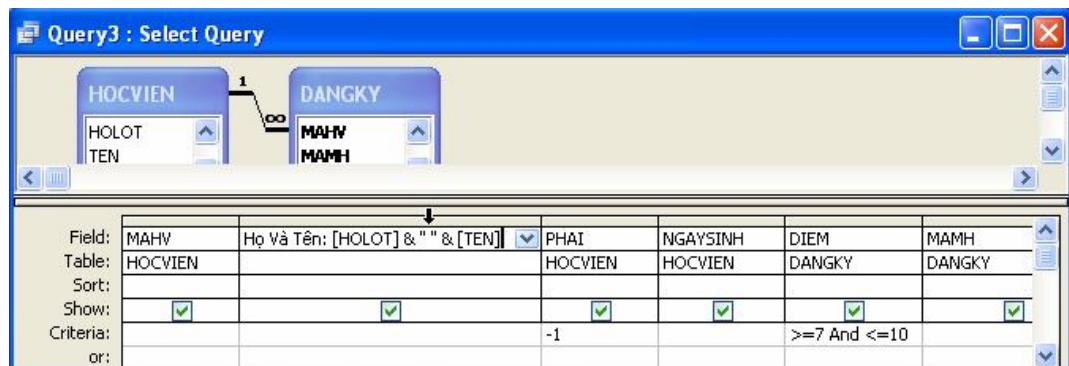
Ví dụ 2: Cho biết danh sách những học viên có tên bắt đầu bằng ký tự H và có điểm từ 5 trở đi, gồm Mahv, holot, ten, phái, ngaysinh, diem, mamh, tenmh



Ví dụ 3: Phép toán nối chuỗi: &

Tên Field mới: [Field 1] & " " & [Field 2]

Liệt kê những học viên có điểm trong khoảng 7 → 10, nhưng chỉ liệt kê học viên Nam, gồm Mahv, **Họ Và Tên**, Phai, Ngaysinh, Diem, Mamh



→ Lưu ý trong câu này tại cột Họ và tên, vì trong table HOCVIEN hai Field HOLOT và TEN tách biệt nhau → để nối 2 Field này thành 1 ta dùng dấu & để nối 2 Filed này thành 1 filed (Họ và tên).

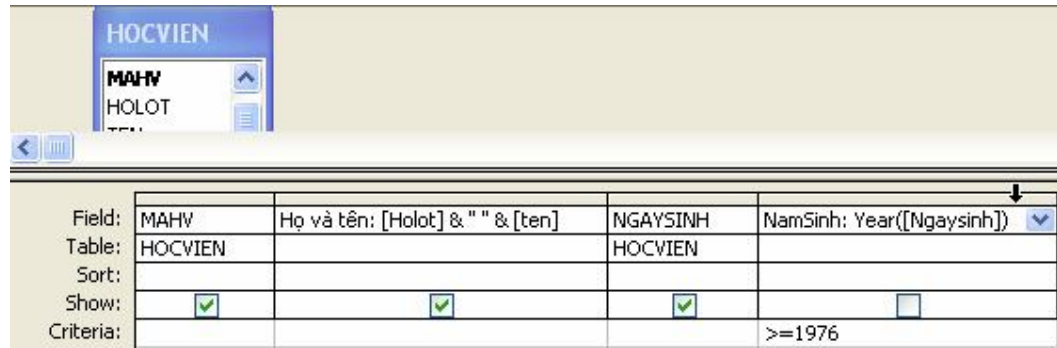
Ví dụ 4: Biểu thức tính toán trong Query

Tên Field mới: <biểu thức tính toán>

Tính thành tiền cho từng hóa đơn của mỗi khách hàng, gồm Makh, TenKh, Sohđ, **ThanhTien**



Ví dụ 5: Cho biết danh sách những học viên có năm sinh từ 1976 trở về sau, gồm Mahv, họ và tên, ngaysinh.



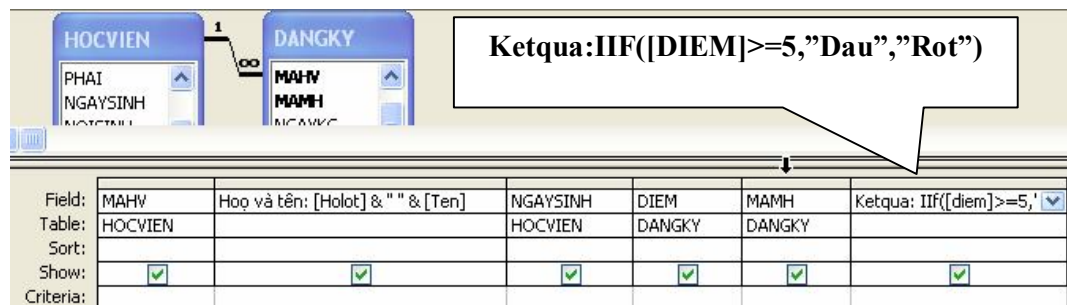
Field:	MAHV	Họ và tên: [Holot] & " " & [ten]	NGAYSINH	NamSinh: Year([Ngaysinh])
Table:	HOCVIEN		HOCVIEN	
Sort:				
Show:	☒	☒	☒	☐
Criteria:				>=1976

Ví dụ 6: Hàm IIF

Cú pháp: IIF(Điều kiện, giá trị đúng, giá trị sai)

Tính kết quả đậu rớt cho các môn học mà học viên đã thi, gồm Mahv, Họ và tên, ngaysinh, diem, mamh, ketqua. Điều kiện cho Field Ketqua: >=5 thì đậu ngược lại rớt

→ Dùng hàm IIF để tính



Ketqua: IIF([DIEM]>=5,"Đau","Rot")

Field:	MAHV	Họ và tên: [Holot] & " " & [Ten]	NGAYSINH	DIEM	MAMH	Ketqua: IIF([diem]>=5,"Đau","Rot")
Table:	HOCVIEN		HOCVIEN	DANGKY	DANGKY	
Sort:						
Show:	☒	☒	☒	☒	☒	☒
Criteria:						

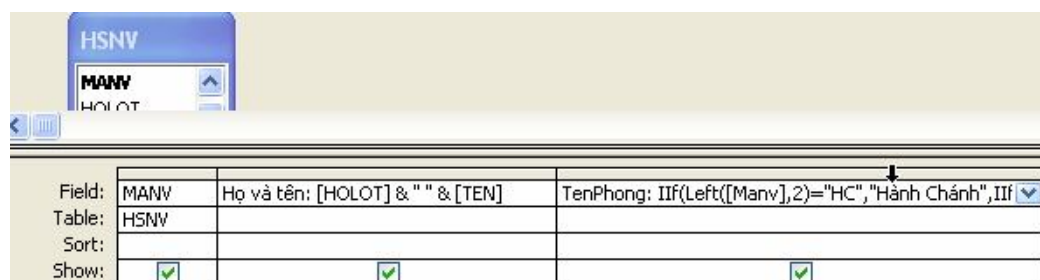
Ví dụ 7: Hàm IIF lồng nhau

Tương tự ví dụ 6 nhưng thêm Filed Xếp Loại với điều kiện như sau: Diem >=8 Giỏi, DIEM >=6.5 đến cận 8 Khá, DIEM >=5 đến cận 6 Trung bình, còn lại Yếu.

XepLoai:IIF([Diem]>=8,"Giỏi",IIF([Diem]>=6.5,"Khá",IIF([Diem]>=5,"Tb","Yeu")))

Ví dụ 8: Hàm IIF kết hợp làm Left hay Right

Cho biết những nhân viên thuộc phòng ban nào gồm Manv, Ho va ten, PhongBan. Biết Tên phòng như sau: nếu 2 ký tự bên trái của Manv là HC thì Hành Chánh, KT là Kế Toán, TH là Tin Học



Field:	MANV	Họ và tên: [HOLOT] & " " & [TEN]	TenPhong: IIF(Left([Manv],2)="HC", "Hành Chánh", IIF(Left([Manv],2)="KT", "Kế Toán", "Tin Học"))
Table:	HSNV		
Sort:			
Show:	☒	☒	☒

TenPhong:IIF(Left([Manv],2)="HC", "HànhChánh", IIF(Left([Manv],2)="KT", "Kế Toán", "Tin Học"))

Ví dụ 9 (Total Query): Đây là loại Query nhóm tổng

Các bước tạo tương tự các query trên → ta thêm bước sau → click vào nút Total  trên thanh công cụ Query Design → ta có thêm dòng mới là dòng Total, tại dòng Total thực hiện như sau:

- Chọn Group by cho Field gộp nhóm
- Chọn hàm cần tính toán (Sum, Max, Min, Count, ...) cho Field làm giá trị tính toán.

Mamh	Mahv	Hocphi
Access	Hv01	450000
Access	Hv02	450000
Word	Hv01	300000
Word	Hv02	300000

Mamh	Hocphi
Access	900000
Word	600000

Total Query

VD: Tính tổng thành tiền cho từng khách hàng đã mua hàng gồm Makh, Tenkh, TongThanh Tien

Field:	MAKH	TENKH	TongTien: [soluong]*[dongia]
Table:	KHACHHANG	KHACHHANG	
Total:	Group By	Group By	Sum
Sort:			
Show:	☒	☒	☒

Ví dụ 10: Tính tổng học phí cho môn học Access.

Field:	MAMH	TENMH	TONGHP: HOCPhi
Table:	MONHOC	MONHOC	MONHOC
Total:	Group By	Group By	Sum
Sort:			
Show:	☒	☒	☒
Criteria:	"ACCE"		

2.2 Crosstab query:

Đây là loại query dùng tổng hợp một khối lượng lớn dữ liệu theo dạng bảng hai chiều.

Sohd	Khách Hàng	Sanpham	Soluong
HD1	Cty A	Tivi	20
HD2	Cty A	May Lanh	10
HD3	Cty A	May Lanh	15
HD4	Cty A	Tivi	20
HD5	Cty B	Tivi	20
HD6	Cty C	May Lanh	15

Khách Hàng	Tivi	May Lanh
Cty A	40	25
Cty B	20	
Cty C		15

Crosstab

Các bước tạo tương tự Select Query → thêm bước sau → Click Menu Query → Chọn Crosstab Query → ta có thêm hai dòng mới **Total** và **Crosstab**

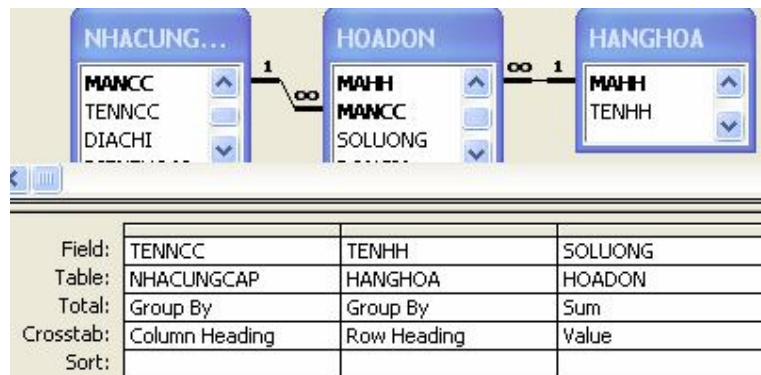
- Tại dòng Total làm tương tự Total query
- Tại dòng Crosstab:
 - o Chọn **Column heading** cho Filed làm tiêu đề cột
 - o Chọn **Row heading** cho Field làm tiêu đề dòng.

→ Trong Crosstab query chỉ có duy nhất một Filed làm tiêu đề cột, còn tiêu đề dòng có thể có nhiều.

Vì dụ 11 (Crosstab query): Xem số lượng đặt hàng của từng khách hàng theo từng sản phẩm, trong đó tên sản phẩm thể hiện theo cột.

KHACHHANG MAKH TFNKH 1 HOADON MASP NGAY ∞ SANPHAM MASP TENSP 1				
Field:	MAKH	TENKH	TENSP	SOLUONG
Table:	KHACHHANG	KHACHHANG	SANPHAM	HOADON
Total:	Group By	Group By	Group By	Sum
Crosstab:	Row Heading	Row Heading	Column Heading	Value
Sort:				

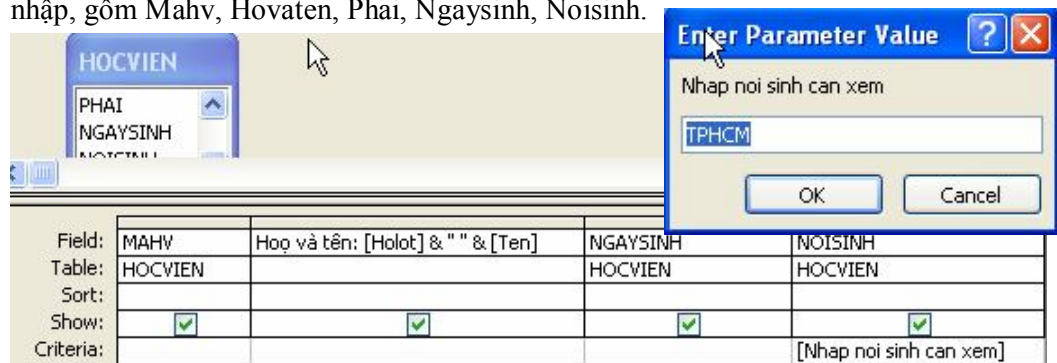
Ví dụ 12 (Cosstab Query): Trình bày bảng thống kê tổng số lượng mua các mặt hàng theo từng nhà cung cấp (Tên nhà cung cấp thể hiện theo cột)



Field:	TENNCC	TENHH	SOLUONG
Table:	NHACUNGCAP	HANGHOA	HOADON
Total:	Group By	Group By	Sum
Crosstab:	Column Heading	Row Heading	Value
Sort:			

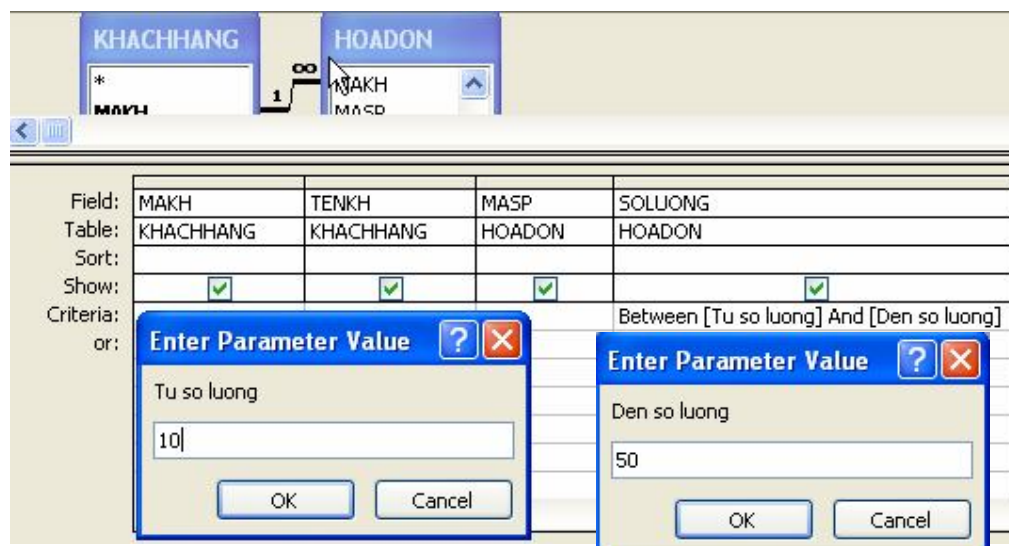
2.3 Parameter query (Query tham số) : Trong trường hợp ta thực hiện một câu query nhiều lần với nhiều tiêu chí khác nhau → ta nên sử dụng query tham số.

Ví dụ 13: Query nhận một tham số: Liệt kê những học viên theo nơi sinh, cho phép người sử dụng nhập vào nơi sinh nào thì chỉ hiển thị những học viên có nơi sinh vừa nhập, gồm Mahv, Hovaten, Phai, Ngaysinh, Noisinh.



Field:	MAHV	Họ và tên: [Holot] & " " & [Ten]	NGAYSINH	NOISINH
Table:	HOCVIEN		HOCVIEN	HOCVIEN
Sort:				
Show:	☒	☒	☒	☒
Criteria:				[Nhap noi sinh can xem]

Ví dụ 14: Query nhận hai tham số: Liệt kê theo số lượng mua các sản phẩm của từng khách hàng, chỉ liệt kê số lượng trong một khoảng do người dùng nhập vào.



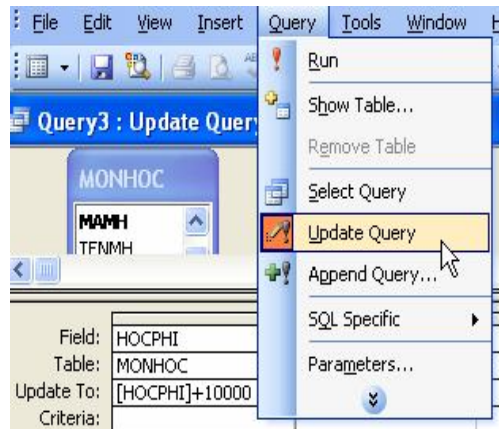
Field:	MAKH	TENKH	MASP	SOLUONG
Table:	KHACHHANG	KHACHHANG	HOADON	HOADON
Sort:				
Show:	☒	☒	☒	☒
Criteria:				Between [Tu so luong] And [Den so luong]

2.4 Action Query: Là loại query dùng cập nhật dữ liệu một cách đồng loạt cho table. Tạo một bảng mới, nối dữ liệu từ các bảng thành một bảng duy nhất.

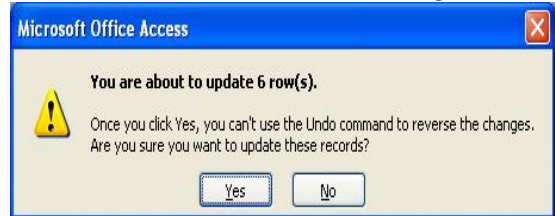
2.4.1 Update query: Dùng cập nhật dữ liệu cho table

Các bước tạo tương tự select query → thêm bước sau: → vào menu Query → chọn **update query** → ta có thêm dòng mới **Update to**

Ví dụ 15 Tăng học phí lên cho tất cả các môn học 10000



- Nhập công thức tại dòng Update to của cột HOCPhi là: [HOCPhi]+10000
- Nhấn nút Run ! trên thanh công cụ



- Chọn Yes để tăng học phí

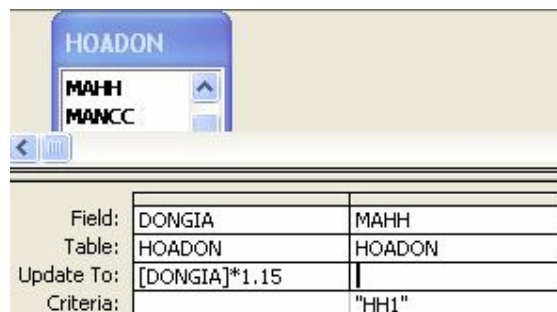
Lưu ý: để xem kết quả của câu query → Bấm sang Table MONHOC để kiểm tra.

Ví dụ 16 (Update query): Cộng 1.5 điểm cho tất cả các học viên có nơi sinh ở vùng tàu



→ Run !

Ví dụ 17: Tăng đơn giá lên 15% cho mặt hàng vải KATE

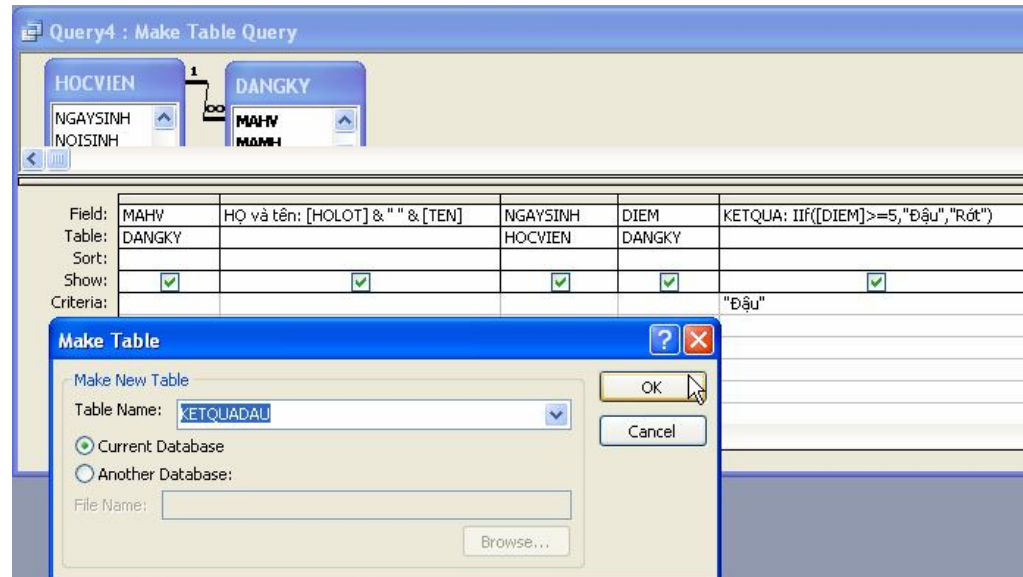


→ Run !

2.4.2 Make table query: là loại query tạo bảng mới

Các bước tạo tương tự select query → thêm bước sau: → vào menu Query → chọn **Make table query** → Nhập tên table mới vào ô **Table Name** → Click **OK** → **Run** !

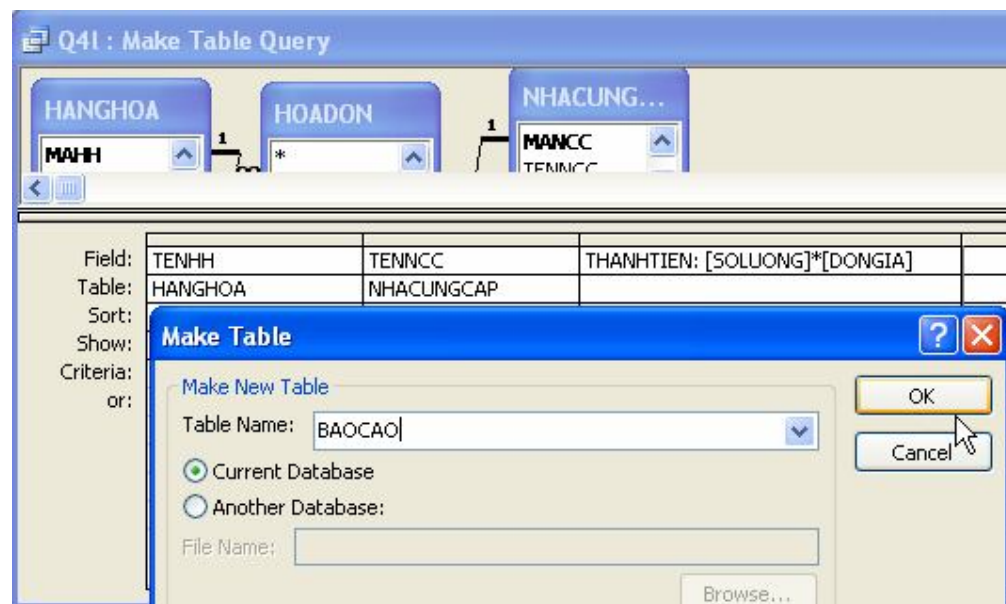
Ví dụ 18: Tạo một bảng mới tên là KETQUADAU chứa các học viên có kết quả đậu, gồm MAHV, Họ và tên, Ngaysinh, Diem



→ Sang thẻ Table kiểm tra kết quả (ta có thêm 1 Table mới là KETQUADAU)

Ví dụ 19: Tương tự ví dụ 18 tạo bảng có tên KETQUAROT chứa những học viên có kết quả rớt

Ví dụ 20: Tạo bảng BAOCAP gồm các cột tên hàng, tên nhà cung cấp, thành tiền

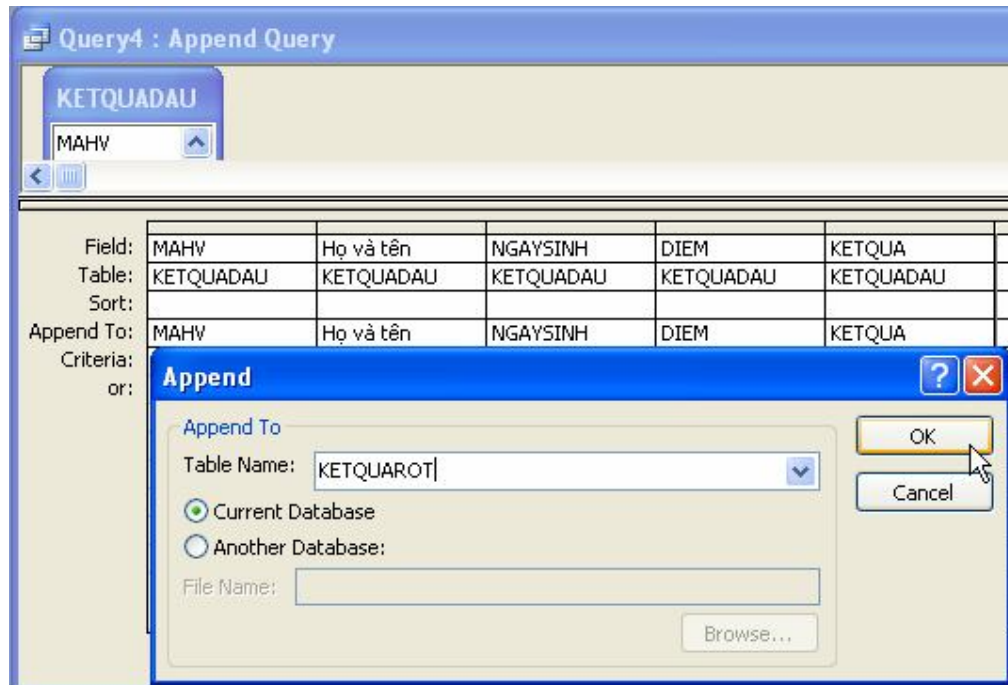


→ OK → Run !

2.4.3 Append query: là loại query dùng để nối dữ liệu từ nhiều bảng thành một bảng duy nhất

Các bước tạo: Đầu tiên tạo Select Query như thông thường (lấy bảng nguồn, lấy Field): Vào Menu Query → Append Query → Hộp thoại Append hiện ra → Tại ô Table Name → Chọn Table đích cần nối → OK → Run

Ví dụ 21: Nối bảng KETQUADAU (ví dụ 18) vào bảng KETQUAROT (ví dụ 19)



Vào menu query → Append query → OK → Run !

2.4.4 Delete query: Dùng để xóa dữ liệu thỏa mãn điều kiện đưa ra

Các bước tạo tương tự Select Query nhưng thêm bước sau: Vào Menu Query → **Delete Query** → Ta có thêm dòng mới: **Delete** → chọn Filed chứa mẫu tin cần xóa → nhập điều kiện tại dòng Criteria → **Run !**

Ví dụ 22: Xóa những học viên có điểm dưới 7 trong bảng KETQUADAU



→ Run ! → Yes

2.5 Query kết hợp câu lệnh SQL

Ví dụ 23: Cho biết danh sách những khách hàng chưa đặt hàng, gồm makh, ten kh, địa chỉ

Query1 : Select Query

KHACHHANG

MAKH
TENKH
DIACHI

Field:	MAKH	TENKH	DIACHI
Table:	KHACHHANG	KHACHHANG	KHACHHANG
Sort:			
Show:	☒	☒	☒
Criteria:	Not In (Select MAKH From HOADON)		

Ví dụ 24: Cho biết những mặt hàng nào chưa được cung cấp (không có mặt trong bảng HOADON)

HANGHOA

MAHH
TENHH

Field:	MAHH	TENHH
Table:	HANGHOA	HANGHOA
Sort:		
Show:	☒	☒
Criteria:	Not In (Select MAHH from HOADON)	

Ví dụ 25: Cho biết danh sách những học viên có trong bảng học viên nhưng không có trong bảng đăng ký

Query4 : Select Query

HOCVIEN

MAHV
HOLOT

Field:	MAHV	Họ và tên: [HOLOT] & " " & [TEN]	PHAI	NGAYSINH
Table:	HOCVIEN		HOCVIEN	HOCVIEN
Sort:				
Show:	☒	☒	☒	☒
Criteria:	Not In (Select MAHV from DANGKY)			

IV. Form

- Form là công cụ cho phép tạo giao diện chương trình giữa người sử dụng và chương trình khi tương tác.
- Form là nơi hiển thị, nhập, hiệu chỉnh... dữ liệu.
- Nguồn dữ liệu để tạo Form có thể là Table hoặc Query

1) Các dạng Form

a. Dạng Columnar



b. Dạng Tabular



c. Dạng Datasheet



d. Dạng Main-sub

MANV	HO	TEN	HESO	NGÀYCONG	MADV
A002	Đỗ Tuyết	Lan	1.94	26	PX1
A004	Trần Tuấn	Dương	2.5	27	PX1
*			0	0	PX1

2) Các bước tạo 1 Form đơn giản bằng chế độ Wizard

Bước 1: Tại cửa sổ Database Click vào đối tượng Form → Click nút New.

Bước 2: Trong hộp thoại New Form → chọn Form Wizard → Click OK

Bước 3: Xuất hiện các hộp thoại Form Wizard

3. Nhấn Next sang
hộp thoại kế tiếp

Form Wizard **Hộp thoại Form Wizard thứ 2**

What layout would you like for your form?



The image shows a preview of a form layout with three columns of data fields. To the right, there is a list of layout options with radio buttons. The 'Columnar' option is selected.

- ☒ Columnar
- ☐ Tabular
- ☐ Datasheet
- ☐ Justified
- ☐ PivotTable
- ☐ PivotChart

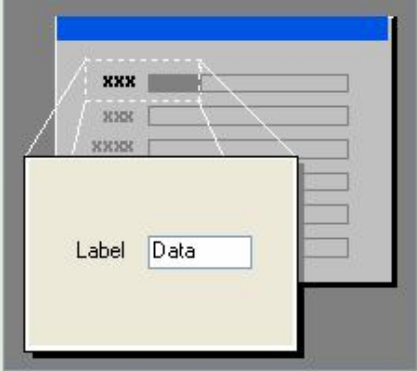
1. Chọn kiểu trình bày cho Form

2. Click Next sang hộp thoại kế tiếp

Cancel < Back Next > Finish

Form Wizard **Hộp thoại Form Wizard thứ 3**

What style would you like?



The image shows a preview of a form with a light blue background and a data grid. A callout box points to the background style. To the right, there is a list of style options. The 'Standard' style is selected.

Blends
Blueprint
Expedition
Industrial
International
Ricepaper
SandStone
Standard
Stone
Sumi Painting

1. Chọn hình nền cho Form

2. Click Next sang hộp thoại kế tiếp

Cancel < Back Next > Finish

Form Wizard **Hộp thoại Form Wizard thứ 4**

What title do you want for your form?

KHACHHANG

1. Nhập tiêu đề cho Form

That's all the information the wizard needs to create your form.

Do you want to open the form or modify the form's design?

☒ Open the form to view or enter information.

☐ Modify the form's design.

☐ Display Help on working with the form?

Cancel < Back Next > Finish

2. Click Finish hoàn tất

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG

MAKH	BT
TENKH	CTY BITIS
DIACHI	1 TRẦN H7NG ĐẠO
DIENTHOAI	(8)988155

Record: 1 of 7

Form khách hàng sau khi được tạo

3) Tạo Form Main – sub: Nguồn dữ liệu cho Form Main-sub thường có hai bảng (Form Main bảng bên 1, Form Sub bảng bên nhiều)

Bước 1: Tại cửa sổ Database Click vào đối tượng Form → Click nút New.

Bước 2: Trong hộp thoại New Form → chọn Form Wizard → Click OK

Bước 3: Xuất hiện các hộp thoại Wizard

Form Wizard Hộp thoại Form Wizard thứ 1

1. Chọn Table/query làm nguồn dữ liệu cho form main (bảng bên 1) → Chọn các field cho form main (Double click field từ vùng *Available Fields* đưa sang vùng *Selected Fields*.)

2. Chọn Table/query làm nguồn dữ liệu cho form sub (bảng bên nhiều) → Chọn các field cho form sub (Double click field từ vùng *Available Fields* đưa sang vùng *Selected Fields*.)

3. Next sang hộp thoại kế tiếp

Form Wizard Hộp thoại Form Wizard thứ 2

How do you want to view your data?

by KHACHHANG
by HOADON

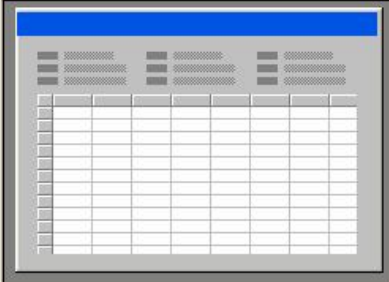
1. Chọn bảng bên 1

Preview: KHACHHANG_MAKH, TENKH, DIACHI, DIENTHOAI
SOHD, HOADON_MAKH, MASP, NGAY, LOAIVT, SOLUONG, DONGIA, HTTT

2. Next sang hộp thoại kế tiếp

Form Wizard **Hộp thoại Form Wizard thứ 3**

What layout would you like for your subform?



☐ Tabular
☒ Datasheet
☐ PivotTable
☐ PivotChart

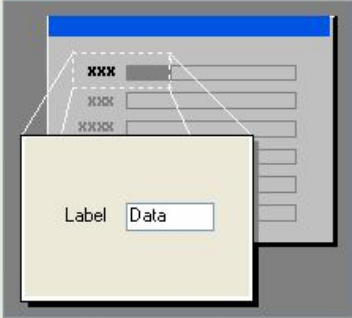
1. Chọn kiểu trình bày cho form sub

2. Next sang hộp thoại kế tiếp

Cancel < Back Next > Finish

Form Wizard **Hộp thoại Form Wizard thứ 4**

What style would you like?



Blends
Blueprint
Expedition
Industrial
International
Ricepaper
SandStone
Standard
Stone
Sumi Painting

1. Chọn kiểu trình bày hình nền cho form

2. Next sang hộp thoại kế tiếp

Cancel < Back Next > Finish

→ Next sang hộp thoại tiếp theo

Form Wizard **Hộp thoại Form Wizard thứ 5**

What titles do you want for your forms?

Form: KHACHHANG

Subform: HOADON Subform

That's all the information the wizard needs to create your form.

Do you want to open the form or modify the form's design?

☒ Open the form to view or enter information.
☐ Modify the form's design.

☐ Display Help on working with the form?

1. Đặt tiêu đề cho Form Main và Sub

2. Nhấn nút Finish kết thúc

Cancel < Back Next > Finish

Theo dõi hóa đơn

THEO DÕI HÓA ĐƠN KHÁCH HÀNG

Mã khách hàng:

Tên khách hàng:

HOADON

	SOHD	MAKH	MASP	NGAY	LOAVT	SOLUONG	DONGIA
	2	BT	CON46	01/01/1996	N	3	500
	3	BT	CON46	01/02/1996	X	12	275
	9	BT	DIS12	03/03/1996	X	5	200
	11	BT	MOU11	04/03/1996	X	10	12
	15	BT	DDN11	04/01/1996	N	13	66

Record: of 7

Form Main – Sub
sau khi tạo

4) Phát triển Form

a. các thành phần chính của một form

Header: Tiêu đề đầu form, xuất hiện duy nhất ở đầu mỗi form

Detail: Phần chi tiết của form, làm nội dung cho form

Footer: Tiêu đề cuối, xuất hiện duy nhất ở cuối mỗi Form

Form1 : Form

Chế độ Design của Form Khách Hàng

Form Header

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG

Form Detail

Mã khách hàng:

Tên Khách hàng:

Địa chỉ:

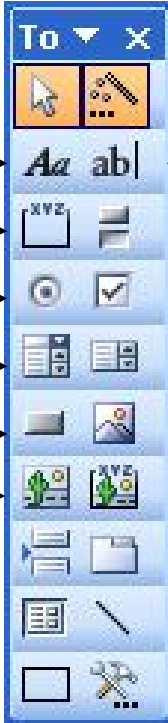
Điện thoại:

Form Footer

b. Các control trên thanh công cụ Toolbox ứng dụng thiết kế Form/Report

- Mặc định thanh công cụ Toolbox sẽ xuất hiện khi Form ở chế độ Design, trường hợp không có vào Menu View → chọn Toolbox

- Muốn có đối tượng nào trên form ta chỉ việc click chọn đối tượng đó và vẽ lên form.



Label: tạo một đối tượng để hiển thị chuỗi dữ liệu →

Option Group: tạo một đối tượng nhóm, chứa các đối tượng Check box, option button, Toggle button →

Option button: tạo một đối tượng có 2 chế độ chọn/không chọn →

Combo box: tạo một đối tượng dạng liệt kê danh sách, có thể nhập dữ liệu →

Command button: tạo một đối tượng dạng nút nhấn →

Unbound object frame: tạo đối tượng chứa hình ảnh, biểu đồ →

Textbox: tạo một đối tượng dùng để nhập và hiển thị dữ liệu →

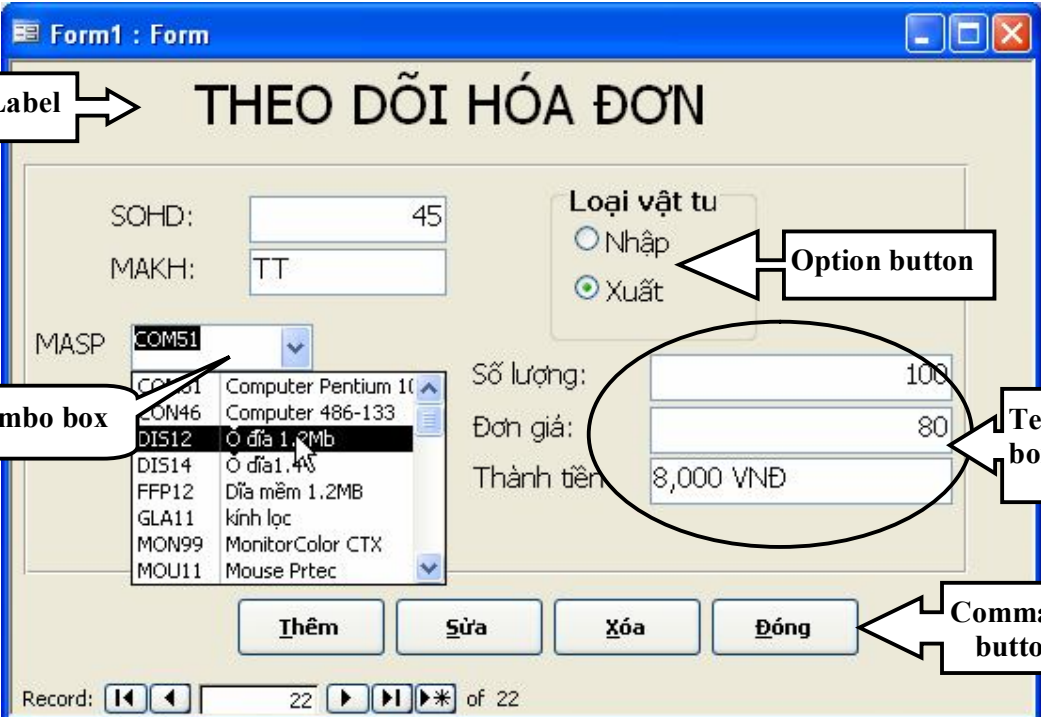
Checkbox: tạo một đối tượng có 2 chế độ chọn/không chọn →

List View: tạo một đối tượng dạng danh sách để lựa chọn →

Image: tạo một đối tượng dùng để trên một hình ảnh →

Tab Control: tạo một đối tượng dùng để hiển thị các form theo dạng trang(thẻ) →

Line: tạo một đối tượng dùng để vẽ một đường thẳng →



Label: THEO DÕI HÓA ĐƠN

Text box: SOHD: 45

Text box: MAKH: TT

Combo box: MASP: COM51

Option button: Loại vật tư: ☐ Nhập ☒ Xuất

Text box: Số lượng: 100

Text box: Đơn giá: 80

Text box: Thành tiền: 8,000 VNĐ

Command button: Thêm Sửa Xóa Đóng

Record: 22 of 22

c. Đối tượng Text box

- Đây là đối tượng thường dùng nhất trong Form
- Là nơi hiển thị dữ liệu, nhập dữ liệu
- Là nơi xác lập một công thức tính toán (nhập dấu bằng theo sao là biểu thức)

Thành tiền: =[Soluong]*[dongia]

Số lượng:	SOLUONG
Đơn giá:	DONGIA
Thành tiền:	=[soluong]*[dongia]

d. Đối tượng Combobox

Các bước tạo một combo box bằng wizard

Mã Khách hàng

BT

BT	CTY BITIS	1 TRẦN H7NG	988155
LS	CTY LAM S	123 LÊ LỢI	123333
PV	CTY PHON	23 LÊ DUẤN	256456
TB	CTY THANH	43 LÊ LỢI	789654
TT	CTY THANH	166 PHẠM NG	959689

B1: Chọn đối tượng Control Wizard trên Toolbox (đối tượng phải ở trạng thái bật)

B2: Chọn đối tượng Combo box rê chuột vào Form và vẽ tại vị trí cần tạo Combobox

B3: Các hộp thoại Wizard hiện ra

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 1**

This wizard creates a combo box, which displays a list of values you can choose from. How do you want your combo box to get its values?

☒ I want the combo box to look up the values in a table or query.

☐ I will type in the values that I want.

☐ Find a record on my form based on the value I selected in my combo box.

Cancel < Back Next > Finish

- Trường hợp combo box nhận giá trị từ một vùng của bảng hay query ta chọn *I want the combo box to look up...*
- Trường hợp giá trị của combo box là do ta nhập ta chọn *"I Will type in the value..."*
- Trong trường hợp này ta chọn *I Want the combo box to lookup...*
- Nhấn next sang hộp thoại kế tiếp

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 2**

Which table or query should provide the values for your combo box?

Table: CHAMCONG
Table: HOADON
Table: HSNV
Table: KHACHHANG
Table: SANPHAM

View
☒ Tables ☐ Queries ☐ Both

Cancel < Back Next > Finish

1. Chọn Table hay Query làm nguồn dữ liệu cho Combo

2. Next sang hộp thoại tiếp theo

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 3**

Which fields contain the values you want included in your combo box? The fields you select become columns in your combo box.

Available Fields: DIENTHOAI
Selected Fields: MAKH, TENKH, DIACHI

Cancel < Back Next > Finish

1. Chọn Filed làm giá trị cho Combo box

2. Next sang hộp thoại tiếp theo

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 4**

What sort order do you want for your list?

You can sort records by up to four fields, in either ascending or descending order.

1 MAKH Ascending
2 Ascending
3 Ascending
4 Ascending

Cancel < Back Next > Finish

1. Sắp xếp thứ tự hiển thị

2. Next sang hộp thoại tiếp theo

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 5**

How wide would you like the columns in your combo box?

To adjust the width of a column, drag its right edge to the width you want, or double-click the right edge of the column heading to get the best fit.

☐ Hide key column (recommended)

1. Bỏ dấu Check

	MAKH	TENKH	DIACHI	DIENTHOAI
▶	BT	CTY BITIS	1 TRẦN H7NG ĐẠO	988155
	LS	CTY LAM SON	123 LỄ LỢI	123333
	PV	CTY PHONG VŨ	23 LỄ DUẨN	256456
	TB	CTY THANH BÌNH	43 LỄ LỢI	789654
	TT	CTY THANH THANH	166 PHẠM NGỌC THẠCH	959689

2. Next sang hộp thoại tiếp theo

Cancel < Back Next > Finish

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 6**

When you select a row in the combo box, you can store a value from that row in your database, or you can use the value later to perform an action. Choose a field that uniquely identifies the row. Which column in your combo box contains the value you want to store or use in your database?

Available Fields:

1. Chọn Field làm giá trị thể hiện

MAKH
TENKH
DIACHI
DIENTHOAI

2. Next sang hộp thoại tiếp theo

Cancel < Back Next > Finish

Combo Box Wizard **Hộp thoại Combo box Wizard thứ 7**

Microsoft Office Access can store the selected value from your combo box in your database, or remember the value so you can use it later to perform a task. When you select a value in your combo box, what do you want Microsoft Office Access to do?

☐ Remember the value for later use.

☒ Store that value in this field: MAKH

1. Chọn Field để nhập giá trị vào table khi ta chọn giá trị tương ứng trên combo box

2. Nhấn Finish kết thúc

Cancel < Back Next > Finish

e. Tạo nút nhấn (Command button)

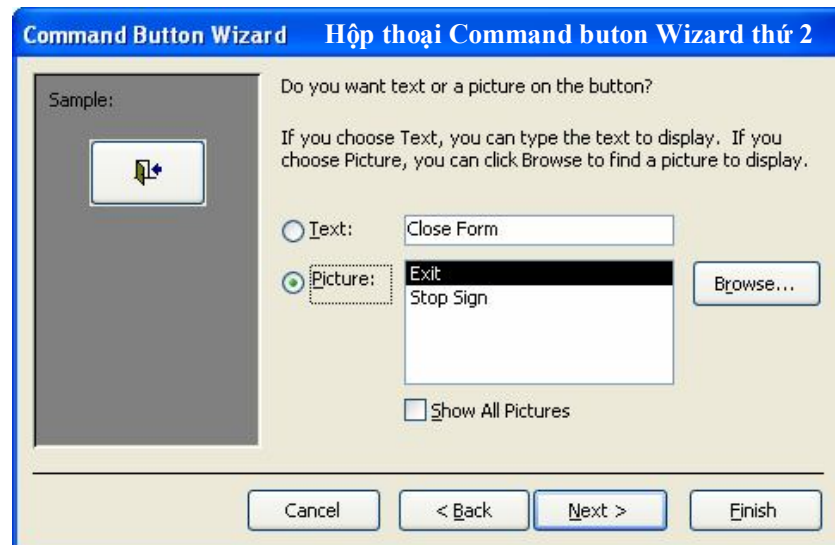


Bước 1: Bật công cụ Control wizard, click vào đối tượng Command Button vẽ vào Form

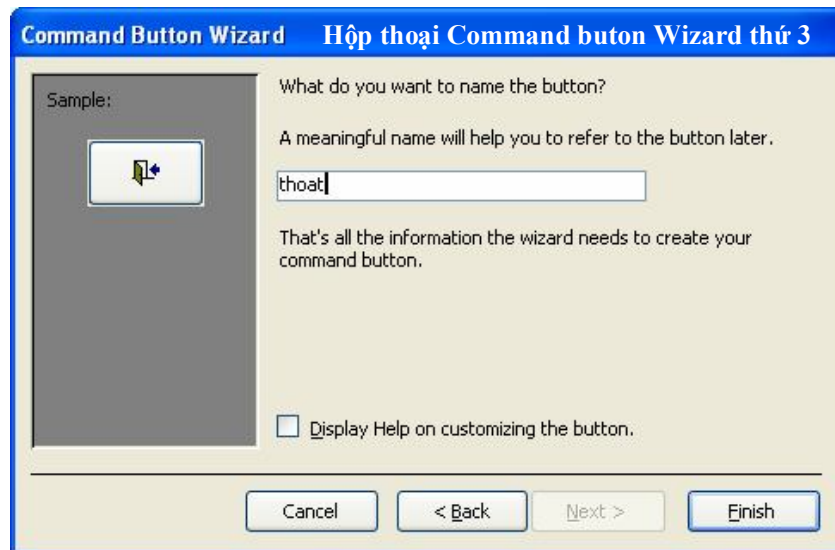
Bước 2: Các hộp thoại command buton wizard hiện ra:



- Nếu các nút lệnh liên quan đến di chuyển mẫu tin (Đầu, lui, tới, cuối) ta chọn Record Navigation trên danh mục Categories. Và chọn hành động tại mục Action.
- Nếu các nút lệnh liên quan đến việc thêm, xóa,..mẫu tin ta chọn Record Operations
- Nếu các nút lệnh liên quan đến việc đóng Form, mở Form,.. Ta chọn Form Operations



- chọn cách thể hiện giao diện trên nút là Text hay Picture
- Next

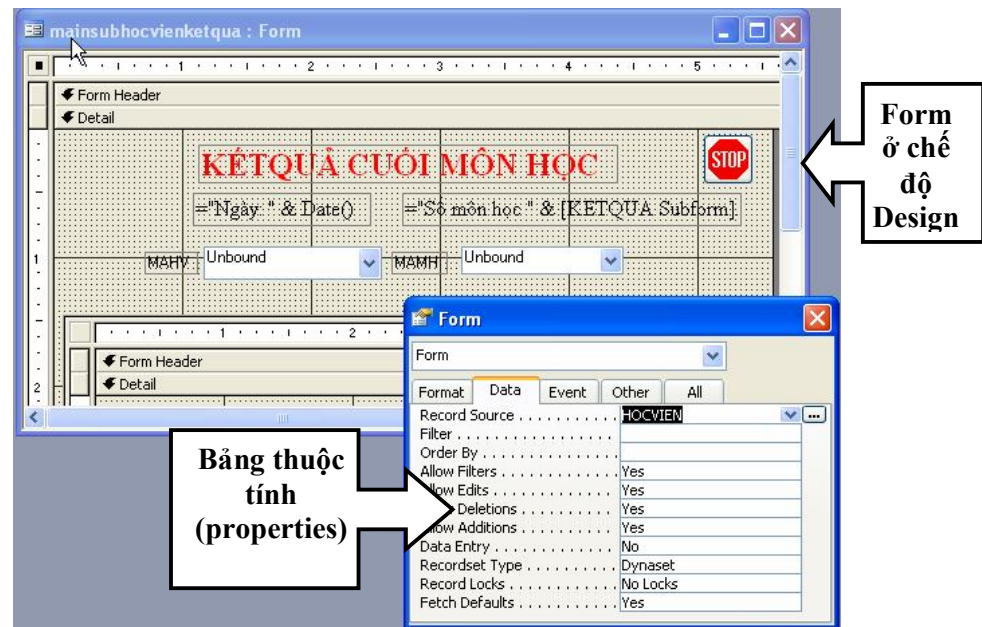


- Đặt tên cho nút
- Nhấn Finish kết thúc

f. Một số thuộc tính cho form và các đối tượng trên Form

Để xem hay chỉnh sửa một thuộc tính nào đó → phải chuột tại đối tượng chọn Properties

- **Caption:** Tiêu đề cho Form hay một Label
- **Record Selector:** hiển thị hay không hiển thị thanh chọn mẫu tin.
- **Navigation buttons:** Hiển thị hay không hiển thị thanh di chuyển mẫu tin (Đầu, lui, tới, cuối, thêm)
- **Auto Center:** Tự động canh Form chính giữa khi Form được thực thi
- **Min/Max buttons:** hiển thị hay không hiển thị các nút phóng to thu nhỏ của Form (None: ko có nút nào, Min Enabled: chỉ có nút thu nhỏ, ...)
- **Close Buttons:** Hiển thị hay không hiển thị nút đóng Form
- **Picture:** Lấy hình có trên máy để làm hình nền cho Form
- **Record Source:** Tên bảng hay query làm nguồn dữ liệu cho Form
- **Name:** Tên của đối tượng
- **Control source:** Dữ liệu nguồn dùng để hiển thị trên Form hay báo cáo. Thông thường thuộc tính này sẽ nhận tên của một Field
- **Input mask :** Mặt nạ nhập liệu cho điều khiển
- **Format:** Định dạng dữ liệu cho điều khiển
- **Decimal Places:** định dạng phần thập phân
- **Controltip Text:** chuỗi ký tự nhập vào đây sẽ xuất hiện khi ta đưa trỏ chuột tới gần đối tượng



5) Tạo mối quan hệ giữa Form Main và Sub.

MANV	HO	TEN	HESO	NGÀY CÔNG	MADV
A002	Đỗ Tuyết	Lan	1.94	56	PX1
A004	Trần Tuấn	Dương	2.5	27	PX1
			0	0	PX1

- Ở đây ta tạo mối quan hệ giữa Main và sub thông qua **combo box**
- Khi chọn một đơn vị trong combo box thì chỉ danh sách của đơn vị đó được hiển thị trong vùng lưới

MANV	HO	TEN	HESO	NGÀY CÔNG	MADV

- Tên của Combo box :
Name: **MADV**

- Vào thuộc tính Form sub (NHANVIEN) → Thẻ Data

- Kiểm tra 2 thuộc tính: Link Child Field, Link Master Filed.

- Đổi tên thuộc tính Link Master Field thành tên của combo box (**MADV**)

6) Đưa giá trị từ combo box sang Text box

THÔNG TIN NHÂN VIÊN

Mã Đơn Vị: PX1 (dropdown menu with options PX1, PX2, XNK)

Tên Đơn Vị: Phân xưởng May

Ngày công: 53

Cột 0 (points to PX1)

Cột 1 (points to PX2)

→ Áp dụng công thức như sau:

= Tên Combo box .Column(?)

?: Là số thứ tự cột trong combo box, cột đầu tiên đánh số thứ tự là 0, kế đến 1, 2, 3, ...

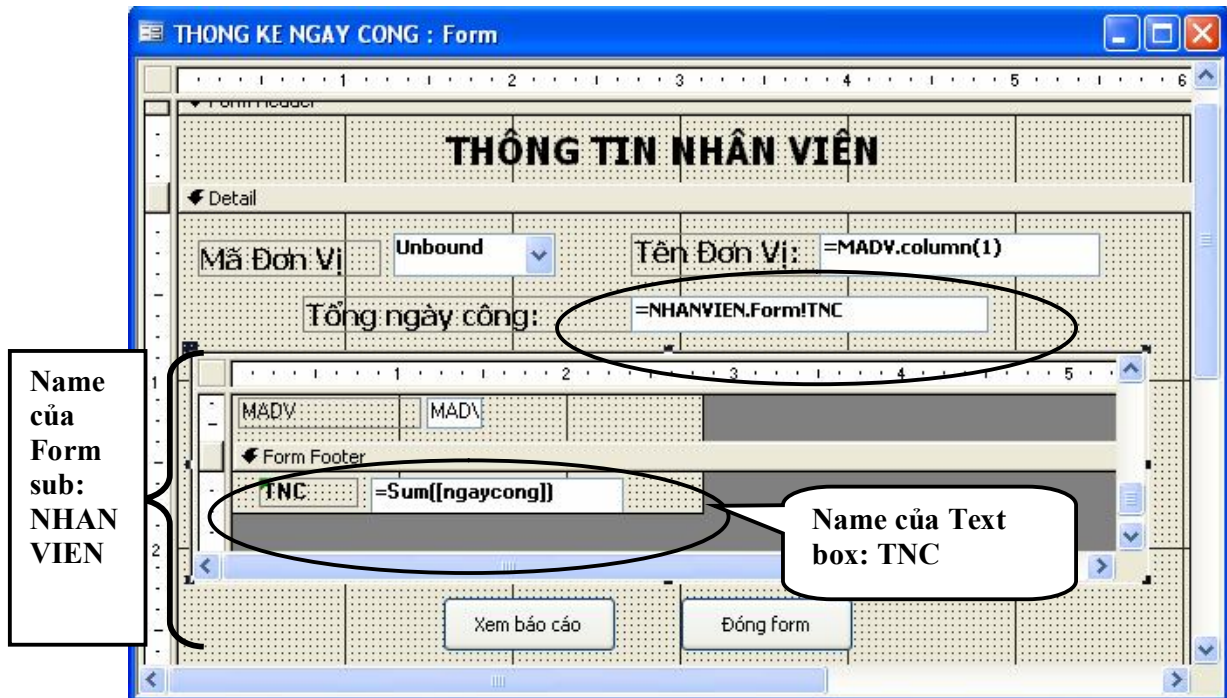
THÔNG TIN NHÂN VIÊN

Mã Đơn Vị: Unbound (dropdown menu)

Tên Đơn Vị: =MADV.column(1)

Name: MADV (points to the Unbound dropdown menu)

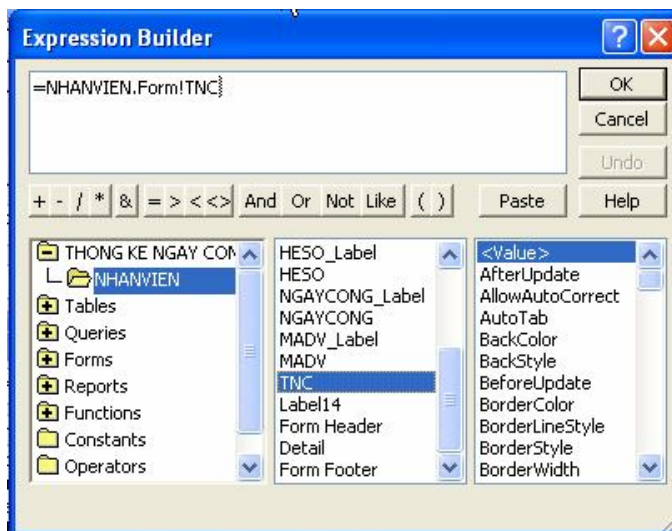
7) Đưa giá trị từ Form Sub lên Form Main



- Vẽ 1 Text box vào **Form Footer** của Form con, đặt tên là: **TNC**, nhập công thức = Sum([Ngàycong])
- Vẽ 1 Text box lên Form Main áp dụng công thức sau

= Tên Form Sub . Form ! Tên đối tượng chứa giá trị trong Form Sub

= NHANVIEN.Form!TNC



Hoặc thay thế việc nhập ở trên bằng việc.

→ Click vào nút 3 chấm thuộc tính Control source của Text box Tổng ngày công.

→ Thực hiện như hình bên

→ Double click vào **TNC** để được công thức

→ **OK**

V. Report

Là công cụ cho phép tạo ra các báo cáo dùng để tổng hợp dữ liệu từ CSDL ra màn hình máy tính hay ra máy in.

1) Report dạng Columnar

THẺ GIÁO VIÊN

MAGV	GV01	
HOLOT	TRẦN TUẤN	
TENG	ANH	
PHAI	Nam	
DIENTHOAI	8923456	

THẺ GIÁO VIÊN

MAGV	GV02	
HOLOT	DƯƠNG XUÂN	
TENG	TỎAN	
PHAI	Nam	
DIENTHOAI	89786643	

2) Report dạng Tabular

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐĂNG KÝ HỌC				
<i>Mã học viên</i>	<i>Mã môn học</i>	<i>Ngày KG</i>	<i>Ngày KT</i>	<i>Ghi Chú</i>
TH01	EXC1	02/01/02	28/02/02	TỐI 2-4-6 TỪ 5h 30 - 9h30
TH01	WIND	01/01/02	01/02/02	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH01	WORD	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH02	ACCE	01/01/03	01/02/03	CHIỀU 2-4-6 TỪ 1h 30 - 5h30
TH02	WIND	01/01/03	01/02/03	CHIỀU 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH02	WORD	01/01/03	01/02/03	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH03	EXC1	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH03	WIND	01/01/02	01/02/02	CHIỀU 2-4-6 TỪ 1h 30 - 5h30
TH03	WORD	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH04	WIND	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH04	ACCE	01/01/02	01/02/02	CHIỀU 2-4-6 TỪ 1h 30 - 5h30
TH04	WORD	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH05	ACCE	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH05	WIND	01/01/02	01/02/02	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH05	WORD	01/01/02	01/02/02	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH06	WIND	01/01/03	01/02/03	CHIỀU 2-4-6 TỪ 1h 30 - 5h30
TH06	WORD	01/01/03	01/02/03	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH06	EXC1	01/01/03	01/02/03	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH07	EXC1	01/01/02	01/02/02	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH07	WIND	01/01/03	01/02/03	CHIỀU 2-4-6 TỪ 1h 30 - 5h30
TH07	WORD	01/01/02	01/02/02	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH08	WIND	01/01/02	01/02/02	SÁNG 2-4-6 TỪ 7h 30 - 11h30
TH08	WORD	01/01/02	01/02/02	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h
TH09	WIND	01/01/02	01/02/02	TỐI 2-4-6 TỪ 7h - 9h

Tổng Số Học viên đăng ký học các môn học : **24**

3) Report dạng gộp nhóm (Group/Total)

Báo cáo doanh thu từng khách hàng

Khách hàng **BT** **CTY BITIS**

STT	MASP	NGAY	LOAI VT	SOLUONG	DONGIA	Thành tiền
1	MOU11	04/03/1996	X	10	12	120 VNĐ
2	CON46	10/06/1996	X	2	1300	2,600 VNĐ
3	CON46	01/01/1996	N	3	500	1,500 VNĐ
4	CON46	01/02/1996	X	12	275	3,300 VNĐ
5	MON99	01/11/1996	N	2	120	240 VNĐ
6	PRN11	04/01/1996	N	13	66	858 VNĐ
7	DIS12	03/03/1996	X	5	200	1,000 VNĐ
Tổng thành tiền					9,618 VNĐ	

Khách hàng **LS** **CTY LAM SON**

STT	MASP	NGAY	LOAI VT	SOLUONG	DONGIA	Thành tiền
1	MON99	01/01/1996	N	23	500	11,500 VNĐ
Tổng thành tiền					11,500 VNĐ	

Khách hàng **PV** **CTY PHONG VŨ**

STT	MASP	NGAY	LOAI VT	SOLUONG	DONGIA	Thành tiền
1	MON99	02/02/1996	X	13	90	1,170 VNĐ
2	MON99	01/01/1996	N	4	120	480 VNĐ
3	MOU12	04/03/1996	X	12	12	144 VNĐ
4	MON99	01/12/1996	N	3	120	360 VNĐ
5	DIS12	02/09/1996	N	10	4	40 VNĐ
Tổng thành tiền					2,194 VNĐ	

4) Cách tạo Report

Nguồn dữ liệu cho report có thể là query/table, Cách tạo tương tự như tạo Form

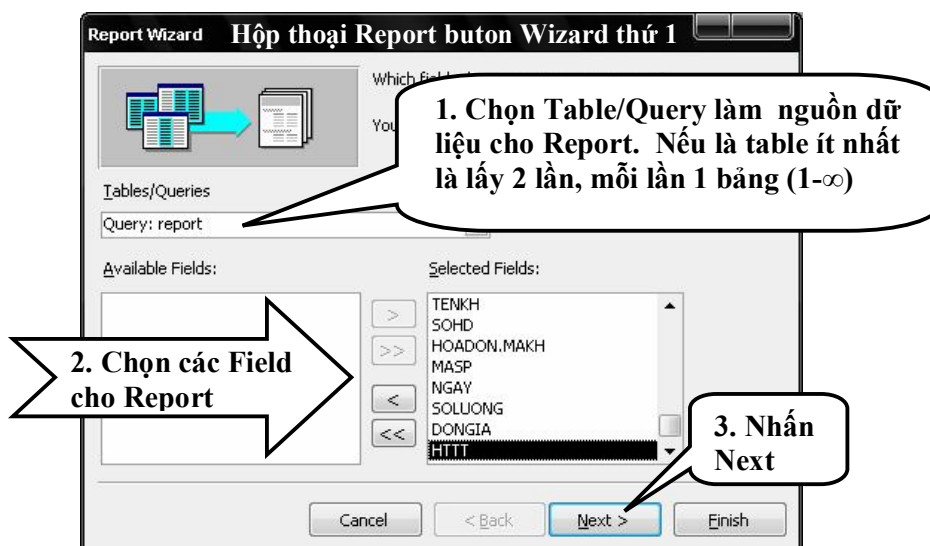
5) Cách tạo report gộp nhóm - Group/Total

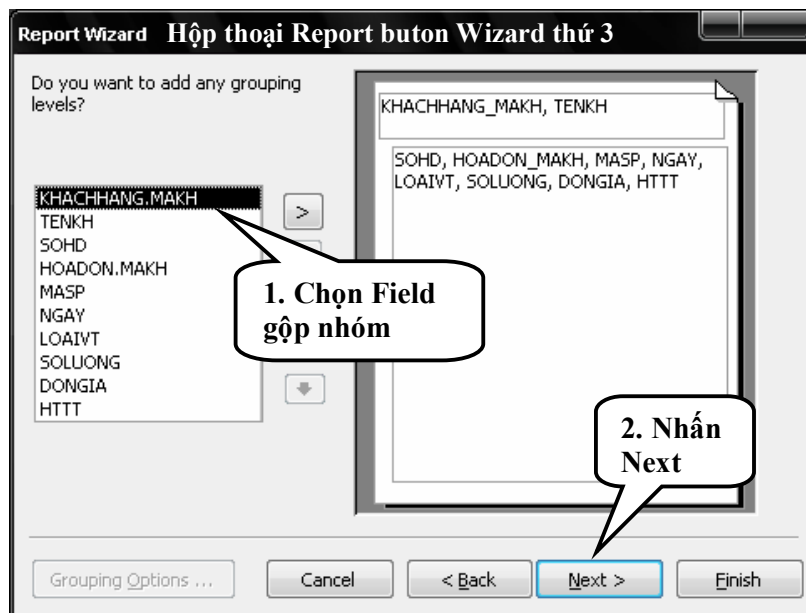
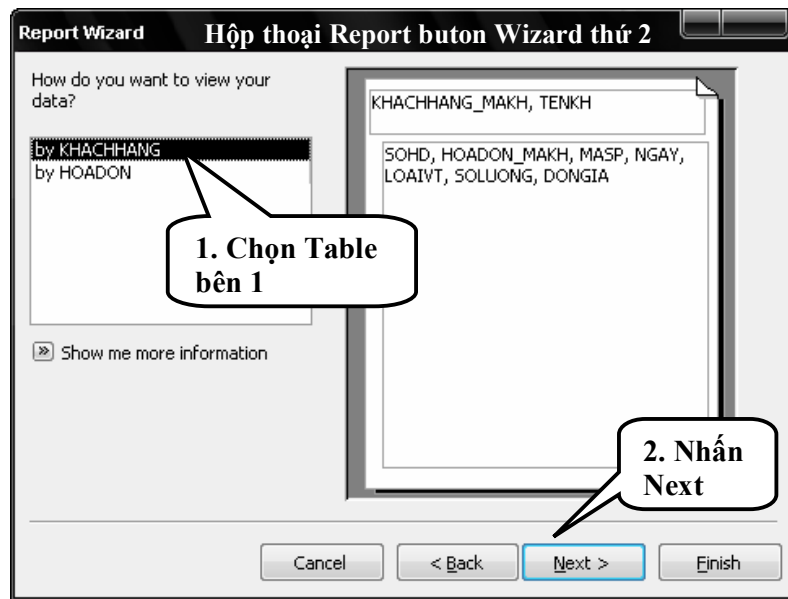
Các bước tạo tương tự Form Main – Sub

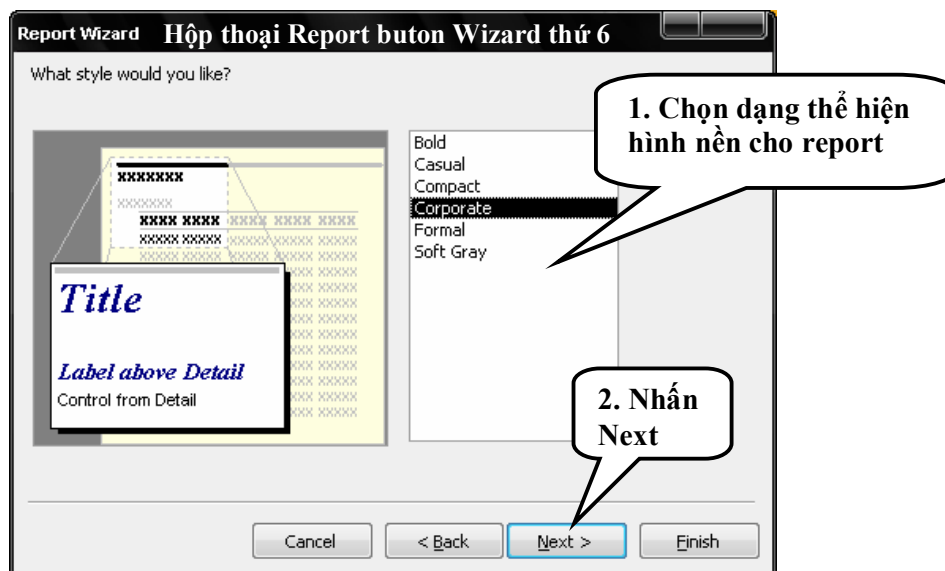
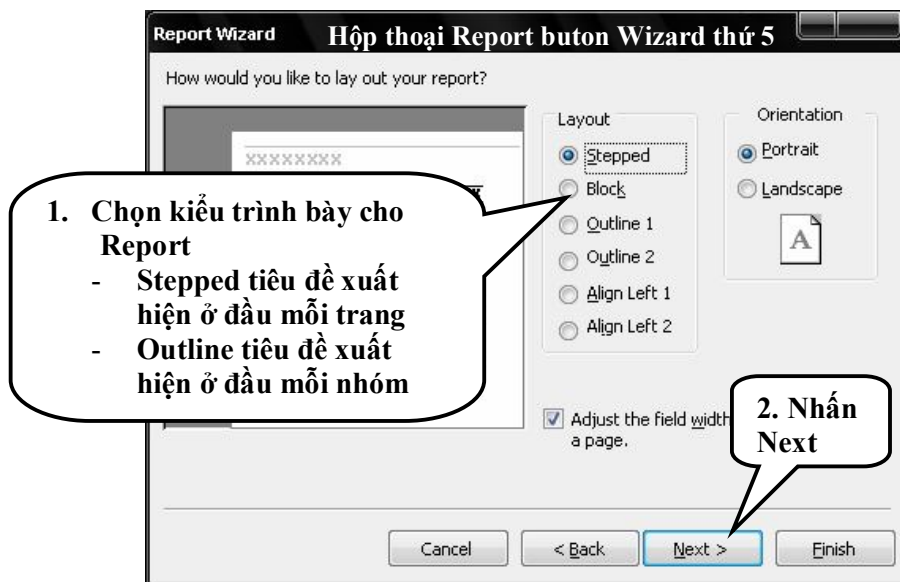
B1: Tại cửa sổ Database Click vào đối tượng Report → Click nút New.

B2: Hộp thoại New Report hiện ra → Chọn Report Wizard → OK

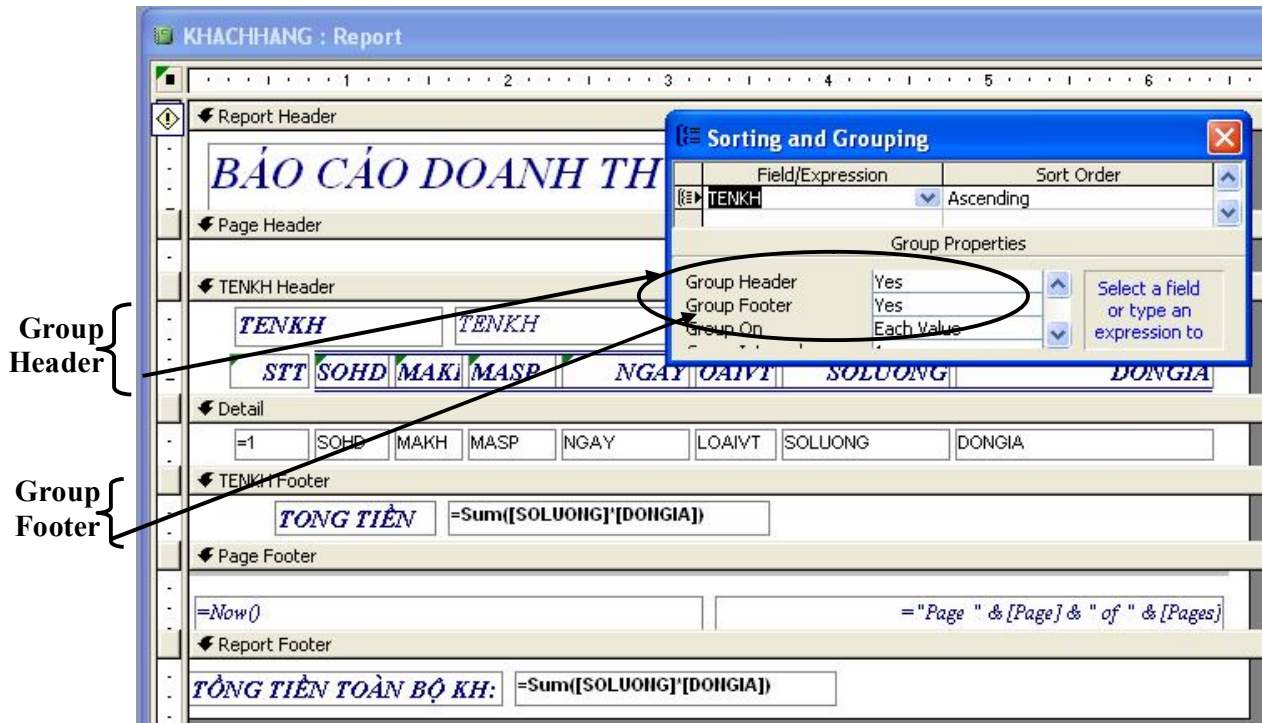
B3: Các hộp thoại Report Wizard hiện ra:







6) Phát triển Report



■ Thông thường sau khi tạo report gộp nhóm bằng chế độ wizard thì trong report chỉ có thành phần **Group Header**, để có thành phần **Group Footer** → vào menu View → chọn Sorting and Grouping → Hai giá trị **Group Header** và **Group Footer** chọn là Yes

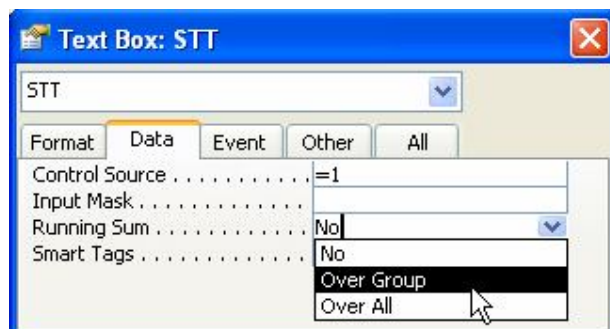
■ Đánh số thứ tự trong Report

B1: Vẽ 1 Text box tại vị trí cần đánh số thứ tự trong vùng Detail

B2: Nhập công thức =1 vào trong text box

B3: Vào thuộc tính của Text box này → thẻ Data → Tại dòng **Running Sum** xác định cách đánh số thứ tự cho Report

- **Over Group:** Đánh số thứ tự theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ đánh số lại từ đầu: 1,2,3..., 1,2, 3..., 1,2,3...
- **Over All:** đánh số thứ tự đồng loạt từ mẫu tin đầu cho đến cuối: 1,2,3...



VI. Macro

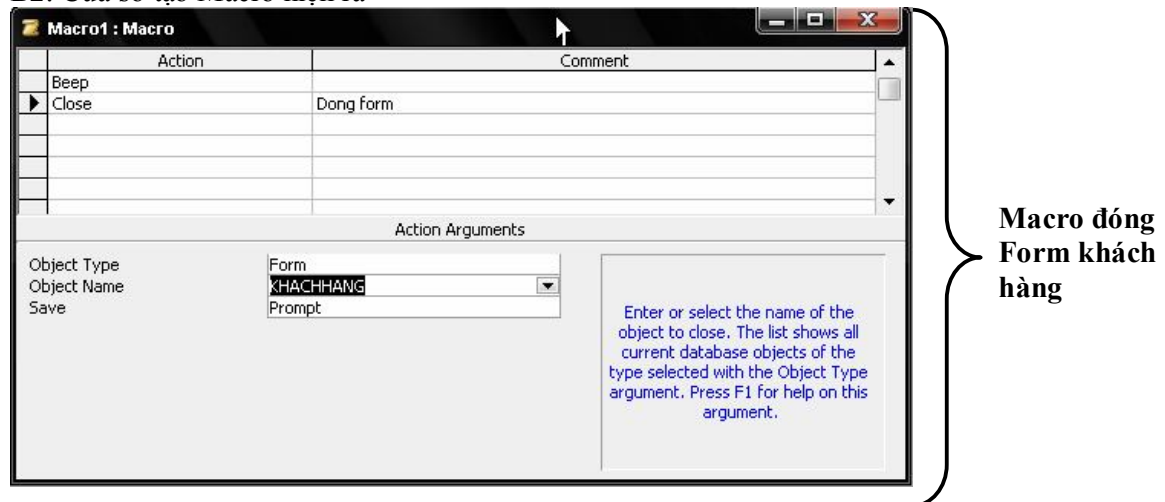
Là một tập hợp chuỗi các hành động có sẵn của Access. Các hành động này sẽ thực thi một tác vụ nào đó

VD: Mở một Form, xem một báo cáo, Thêm một mẫu tin...

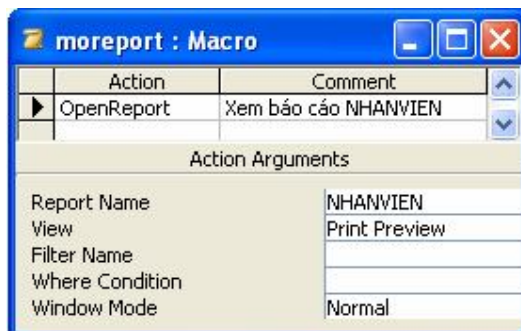
1) Tạo mới một Macro

B1: Tại Database hiện hành → chọn thẻ Macro → Click nút New

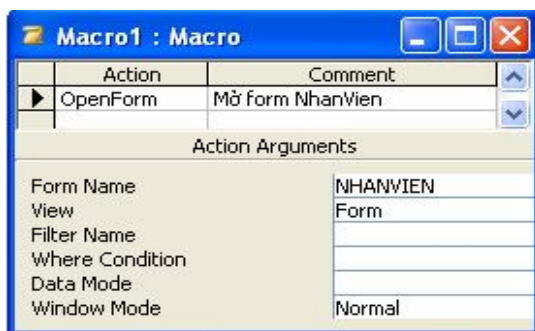
B2: Cửa sổ tạo Macro hiện ra



- Chọn hành động cho Macro tại cột Action
- Nhập chú thích cho hành động nếu cần tại cột Comment
- Chọn tham số cho hành động tại vùng Action Arguments
- Lưu Macro
-



Macro mở báo cáo Nhân Viên



Macro mở form Nhân Viên



Macro thêm mẫu tin mới vào form đơn vị

2) Macro nhóm

- là nơi ta có thể tạo một Macro nhưng chứa nhiều Macro con, các Macro này được tạo thành từng nhóm giúp thuận tiện trong quá trình sử dụng
- Macro con trong nhóm sẽ có một tên phân biệt dùng để gọi. Để gọi Macro con trong Macro Group ta dùng cú pháp sau:

MacroGroupName.MacroName

B1: Tại Database hiện hành → chọn thẻ Macro → Click nút New

B2: Cửa sổ tạo Macro hiện ra → vào Menu View → chọn Macro Name

Macro Name	Action	Comment
dongform	Close	Dong form
Xembaocao	OpenReport	Xem bao cao
Dau	GoToRecord	Di chuyen ve mau tin dau tien
Lui	GoToRecord	Lui mot mau tin
Toi	GoToRecord	Tien mot mau tin
Cuoi	GoToRecord	Di chuyen ve mau tin cuoi

Action Arguments

Object Type: Form
Object Name: KHACHHANG
Record: First
Offset:

Enter a comment in this column.

- Nhập tên Macro tại cột Macro Name
- Chọn hành động cho Macro tại cột Action
- Nhập chú thích cho hành động nếu cần tại cột Comment
- Chọn tham số cho hành động tại vùng Action Arguments
- Lưu Macro

Macro Name	Action	Comment
DongForm	Close	Đóng Form Khách hàng
XemBaoCao	OpenReport	Xem báo cáo danh sách khách hàng
MoFormHD	OpenForm	Mở Form HoaDon
AddNew	GoToRecord	Thêm mới một mẫu tin

Action Arguments

Object Type: Form
Object Name: KHACHHANG
Save: Prompt

Enter a comment in this column.

Macro nhóm với các hành động, đóng form, xem báo cáo, mở form, thêm mẫu tin

3) Macro điều kiện

Để xem xét một điều kiện nào đó trước khi thực hiện một số hành động trong Macro, ta tạo Macro có điều kiện

Condition	Action	Comment
[OpGLocNV]=1	ApplyFilter	Lọc những họ cviên có tên bắt đầu bằng ký tự A
[OpGLocNV]=2	ApplyFilter	Lọc những họ cviên có tên bắt đầu bằng ký tự B
[OpGLocNV]=3	ApplyFilter	Lọc những họ cviên có tên bắt đầu bằng ký tự C
[OpGLocNV]=4	ApplyFilter	
[OpGLocNV]=5	ApplyFilter	
[OpGLocNV]=6	ApplyFilter	
[OpGLocNV]=16	ApplyFilter	
[OpGLocNV]=17	ApplyFilter	
[OpGLocNV]=18	ApplyFilter	
[OpGLocNV]=19	ApplyFilter	Hiện tên bắt đầu bằng từ T
[OpGLocNV]=20	ShowAllRecords	Hiện Tất cả
[RecordsetClone].[GoToControl		Nếu có Nhân Viên thì đưa con trỏ đến Control tên nhân viên
...	StopMacro	dừng Macro lại
[RecordsetClone].[MsgBox		nếu không có nhân viên nào thì hiện thị thông báo
...	ShowAllRecords	
...	SetValue	gán giá trị lại cho nút hiện tất cả [OpGLocNV]=20

Filter Name: [TenNV]=[AAAA]*

Where Condition: [TenNV]=[AAAA]*

Enter a comment in this column.

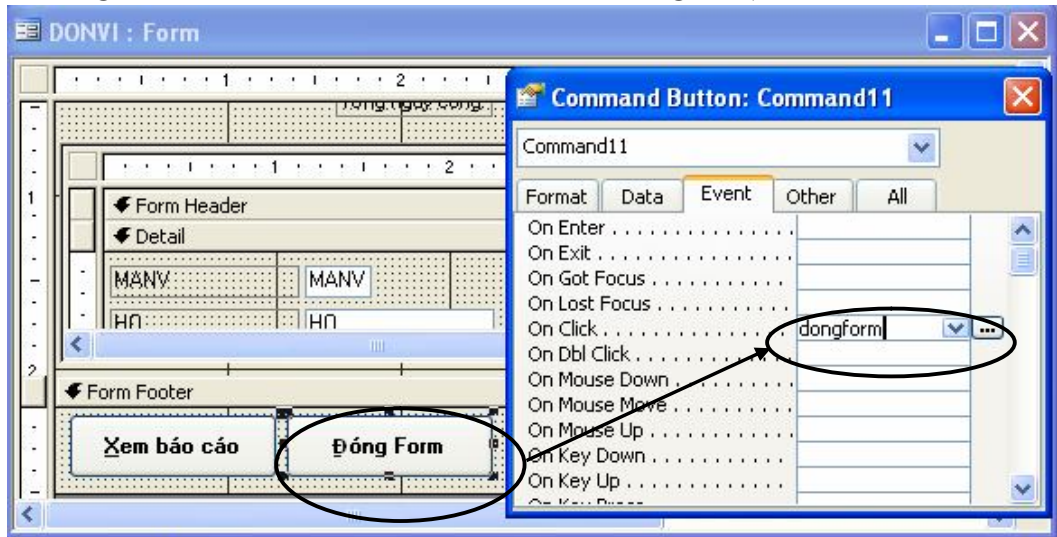
- B1: Từ cửa sổ Database, Click thẻ Macro → New
- B2: Tại cửa sổ thiết kế Macro → Vào Menu View → Chọn Conditions → cột Conditions sẽ xuất hiện
 - Nhập biểu thức điều kiện tại cột Conditions tương ứng với hành động mà ta muốn qui định.
 - Chọn hành động tại cột Action
 - Nhập chú thích cho hành động tại cột Comment nếu cần
- B3: Lưu Macro

4) Gán Macro cho đối tượng

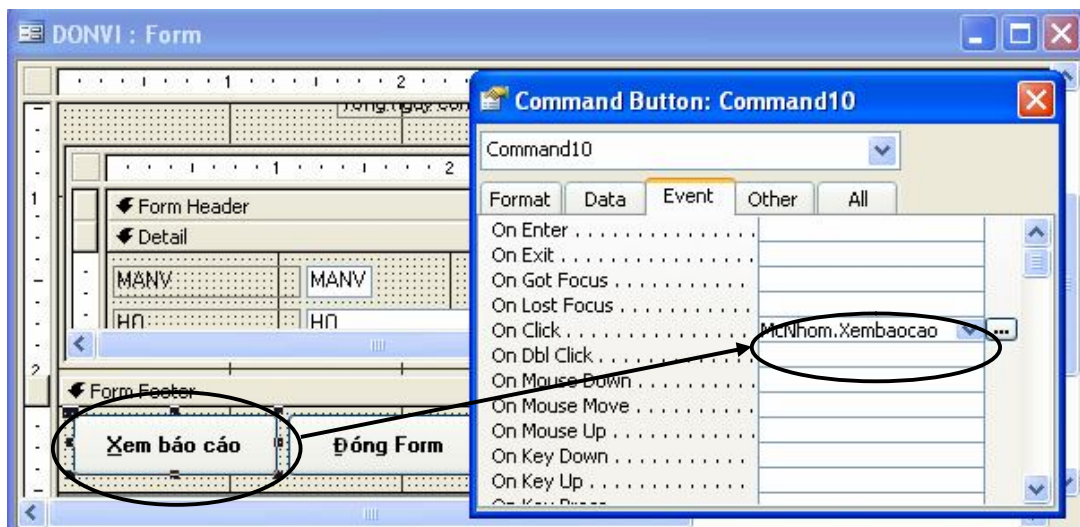
B1: Tạo đối tượng cần gán Macro (Command button, option, option group, ...)

B2: Chọn đối tượng → phải chuột chọn Properties → chọn thẻ Event

B3: Tại sự kiện cần gán đối tượng → click chuột chọn Macro cần gán cho đối tượng (Vd: Tại nút đóng Form, Sự kiện Onclick → ta chọn Macro DongForm)



→ Gán Macro(macro đơn) đóng form cho nút đóng form



→ Gán Macro(Macro nhóm) cho nút Xem báo cáo.

VII. Gợi ý làm một số Form, Report

1. Bài theo dõi kết quả điểm của từng học viên theo từng môn học

HOCVIEN2

KẾTQUẢ CUỐI MÔN HỌC

Ngày: 30/11/08 Số môn học 1

MAHV: TH05 MAMH: WIND

MAHV	MAMH	DIEM	KETQUA	Xếp Loại
TH05	WIND	3.50	ROT	YEU
* TH05	WIND	0.00	ROT	YEU

Record: 1 of 12

mainsubhocvienketqua : Form

KẾTQUẢ CUỐI MÔN HỌC

Form Header: "Ngày: " & Date() "Số môn học " & [KETQUA Subform].Form!somh

Detail: MAHV (Name: MAHV), MAMH (Name: MAMH), KETQUA (Name: Somh)

Form Footer: =Count([mamh])

Relationship between Main and Sub: Mối quan hệ giữa Main và sub

2. Bài thống kê học viên theo từng môn học

HOCVIEN2

THỐNG KÊ HỌC VIÊN THEO MÔN HỌC

Ngày: 30/11/08

Chọn mã môn học: **ACCE** **ACCESS QUAN LY** **STOP**

KETQUA	MAHV	MAMH	DIEM	XEPLOAI	KETQUA
▶	TH02	ACCE	3.00	YEU	ROT
	TH04	ACCE	7.50	KHA	DAU
	TH09	ACCE	6.75	KHA	DAU
*		ACCE	0.00	YEU	ROT

Số học sinh đạt: **2** Số học sinh không đạt: **1** **Xem báo cáo** **Đóng**

Record: 1 of 12

thongkehocvientheomon : Form

THỐNG KÊ HỌC VIÊN THEO MÔN HỌC

Ngày: " & Date()

Chọn mã môn học: **Unbound** **=mamh.COLUMN(1)** **STOP**

KETQUA **=If([diem]>=5,"DAU","ROT")**

Form Footer

=Count(If([diem]>=5,"")) **=Count(If([diem]<5,""))**

Số học sinh đạt: **=KETQUA.Form!Txtdat** **Số học sinh không đạt:** **=KETQUA.Form!Txttrot** **Xem báo cáo** **Đóng**

Subform/Subreport: KETQUA

KETQUA

Format: Data Event Other All

Source Object: **KETQUA1**

Link Child Fields: **Mamh**

Link Master Fields: **Mamh**

Enabled: **Yes**

Locked: **No**

Name: mamh

Name: Txtdat

Name: Txttrot

=KETQUA.Form!Txtdat

=KETQUA.Form!Txttrot

Link Child Fields: Mamh
Link Master Fields: Mamh

KETQUAMONHOC : Report

Report Header

= "BẢNG KẾT"

Page Header

STT **MAHV**

Detail

=1 **MAHV**

Page Footer

Report Footer

= "Tổng số học viên " & [Mamh] & ". " & Count([mamh])

THONGKETHEOMON : Macro

Action	Comment
OpenReport	Thống kê theo môn

Action Arguments

Report Name: **KETQUAMONHOC**

View: **Print Preview**

Filter Name:

Where Condition:

Window Mode: **Normal**

[mamh]=[Forms]![thongkehocvientheomon]![mamh]

Select the name of the report to open. The list shows all reports in